ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
Số: 2374/TB-ĐHSP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Thái Nguyên, ngày 04 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công khai các khoản kinh phí đã tạm thu, chi phí thực tế và số tiền dự kiến hoàn trả cho sinh viên khóa 61

Nhà trường thông báo danh sách các khoản kinh phí đã tạm thu đầu năm học của sinh viên khóa 61 (gồm: bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể, in sổ ngoại trú, phí truy cập tài nguyên thông tin), các khoản chi thực tế và số tiền dự kiến hoàn trả cho từng sinh viên (theo danh sách đính kèm).

Đề nghị các khoa thông báo đến sinh viên thuộc đơn vị để kiểm tra, đối chiếu thông tin cá nhân, số tiền được hoàn trả và số tài khoản VietinBank đã đăng ký. Nếu có sai sót hoặc cần giải đáp, sinh viên liên hệ cô **Lại Thị Thanh Hoa**, Phòng 309, nhà A5, điện thoại: **0913.574.021** để được hướng dẫn, xử lý.

Thời hạn phản hồi trước ngày 09/11/2026. Sau thời hạn trên, nếu không có ý kiến phản hồi, Nhà trường sẽ căn cứ số liệu đã thông báo để thực hiện hoàn trả kinh phí qua tài khoản VietinBank đã đăng ký cho sinh viên.

Đề nghị các khoa phối hợp triển khai và sinh viên nghiêm túc thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các khoa, sinh viên K61 (để triển khai th/h);
- Webside Trường;
- Lưu: VT, KHTC (02).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TS. Nguyễn Hữu Toàn

DANH SÁCH SINH VIÊN

(Kèm theo Thông báo số: 2374 TB-ĐHSP ngày 04 tháng 11 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN)

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo sổ tạm trú	Sổ ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	DTS267140204002	QUÁCH NGỌC BÍN	103888018231	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2	DTS267140204003	NÔNG NGỌC CHÂM	101888018233	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
3	DTS267140204004	TRẦN THỊ CHÂM	102888018232	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
4	DTS267140204005	ĐẶNG NGỌC CHÂU	100888018234	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
5	DTS267140204006	LÝ ĐÀM KHÁNH CHI	109888018235	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
6	DTS267140204007	VŨ THANH CHÚC	108888018236	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
7	DTS267140204008	DIỄM	107888018237	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
8	DTS267140204010	TRIỆU THỊ MỸ DIỆU	106888018238	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
9	DTS267140204011	ĐẶNG NGỌC DUYÊN	105888018239	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
10	DTS267140204012	VŨ QUỐC ĐẠT	107888018240	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
11	DTS267140204013	HOÀNG HỒNG GIANG	106888018241	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
12	DTS267140204014	HOÀNG VĂN GIANG	105888018242	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
13	DTS267140204016	HOÀNG BÍCH HẰNG	103888018244	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
14	DTS267140204017	TA THỊ THÚY HẰNG	104888018243	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
15	DTS267140204018	TẢI TRUNG HIẾU	102888018245	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
16	DTS267140204019	TRẦN THỊ HUỆ	101888018246	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
17	DTS267140204020	NGUYỄN VIỆT HÙNG	100888018247	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
18	DTS267140204021	MỒNG THU HƯƠNG	108888018249	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
19	DTS267140204022	TÂM THỊ HƯƠNG LAN	108888018251	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
20	DTS267140204023	NGUYỄN QUỲNH LIÊN	107888018252	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
21	DTS267140204024	CHU THỊ HÀ LINH	106888018253	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
22	DTS267140204025	ĐẶNG THỊ THÙY LINH	105888018254	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
23	DTS267140204027	HỜ THỊ MÁY	103888334049	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
24	DTS267140204028	BÙI THỊ HỒNG MINH	102888018257	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
25	DTS267140204029	MA THỊ TRÀ MY	101888018258	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
26	DTS267140204030	CHẢO MÙI NÀY	100888018259	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
27	DTS267140204031	DƯƠNG THÙY NGÂN	101888018260	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
28	DTS267140204032	NGUYỄN THÚY NGÂN	100888018261	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
29	DTS267140204033	DƯƠNG HỒNG NGỌC	109888018262	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
30	DTS267140204034	TRIỆU THU NGUYỆT	108888018263	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
31	DTS267140204035	NGUYỄN HOÀNG NHI	107888018264	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
32	DTS267140204036	ĐẶNG THỊ HỒNG NHUNG	106888018265	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
33	DTS267140204037	HÀ THỊ PHƯƠNG OANH	105888018266	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
34	DTS267140204038	PHƯƠNG	104888018267	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
35	DTS267140204039	HÁU VĂN QUYẾT	103888018268	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
36	DTS267140204040	SÙNG THÙY TIÊN	102888018269	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
37	DTS267140204041	ĐINH CẨM TÚ	104888018270	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
38	DTS267140204042	LÝ THANH TUYỀN	103888018271	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
39	DTS267140204043	LÝ THỊ TƯƠI	100888018274	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
40	DTS267140204044	LÒ THỊ THANH	104888334050	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
41	DTS267140204045	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	104888035455	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
42	DTS267140204046	HÀ PHƯƠNG THẢO	108888018276	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
43	DTS267140204047	NGUYỄN THỊ DIỆU THẢO	107888018277	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
44	DTS267140204048	NGUYỄN THANH THỦY	106888018278	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
45	DTS267140204049	TRIỆU THỊ ANH THƯ	105888018279	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
46	DTS267140204050	NÔNG THU TRÀ	105888018281	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
47	DTS267140204051	LÂM HOÀNG TRANG	103888018283	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
48	DTS267140204052	HOÀNG THANH TRƯỜNG	102888018284	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
49	DTS267140204053	TOÀN THU VÂN	101888018285	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
50	DTS267140204054	NGÔ TÂN ÁI VỸ	100888018286	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
51	DTS267140204055	HÀ HẢI YẾN	109888018287	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
52	DTS267140204056	TRIỆU THỊ TÂM LAN	109888334140	Giáo dục Công dân	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Sổ ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
53	DTS267140205001	NGUYỄN HÀ QUỲNH ANH	101888018206	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
54	DTS267140205002	NGUYỄN TÚ ANH	100888018207	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
55	DTS267140205003	NGUYỄN THỊ LAN ANH	102888018205	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
56	DTS267140205004	BÙI THỊ NGỌC BÍCH	109888018208	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
57	DTS267140205005	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	108888018209	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
58	DTS267140205006	BÀN THỊ THU HÀ	109888018211	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
59	DTS267140205007	HOÀNG NGỌC HÀ	107888018213	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
60	DTS267140205008	LƯƠNG NGỌC HÀ	100888018210	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
61	DTS267140205009	HỒ QUỐC HẢI	106888018214	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
62	DTS267140205010	NGUYỄN TRUNG HIẾU	105888018215	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
63	DTS267140205011	PHẠM LAN HƯƠNG	104888018216	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
64	DTS267140205012	THÀO THỊ MÁY	103888018217	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
65	DTS267140205013	LÊ UYÊN MY	102888018218	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
66	DTS267140205014	NÔNG THỊ KHÁNH MY	102888018220	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
67	DTS267140205015	LÀNH QUỲNH NA	101888018221	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
68	DTS267140205017	HOÀNG MINH NGỌC	108888018224	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
69	DTS267140205018	LÒ THỊ NHÀN	107888018225	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
70	DTS267140205019	VŨ KIM OANH	106888018226	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
71	DTS267140205020	HOÀNG THỊ MINH THỦY	105888018227	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
72	DTS267140205021	BÙI THỊ HẢI YẾN	104888018230	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
73	DTS267140205022	HOÀNG HẢI YẾN	103888018229	Giáo dục Chính trị	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
74	DTS267140101002	BÙI PHƯƠNG ANH	105888019950	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
75	DTS267140101003	NGUYỄN THỊ HOÀI ANH	106888019947	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
76	DTS267140101005	TRIỆU THỊ NGỌC ÁNH	104888019951	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
77	DTS267140101007	DƯƠNG KIM BẰNG	100888019955	Giáo dục học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
78	DTS267140101008	VI THỊ HOÀI CHÂM	107888019958	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
79	DTS267140101009	HOÀNG LINH CHI	104888019963	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
80	DTS267140101010	PHÙNG THỊ TÚ CHI	105888019962	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
81	DTS267140101012	LÒ VĂN DUY	102888019965	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
82	DTS267140101013	TRIỆU ĐÀM DUY	101888019966	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
83	DTS267140101015	NÔNG THỊ ĐÀO	100888019970	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
84	DTS267140101016	DƯƠNG THỊ NGỌC ĐIỆP	107888019973	Giáo dục học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
85	DTS267140101017	GIANG	106888019974	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
86	DTS267140101018	ĐẶNG THỊ THANH HÀ	103888019977	Giáo dục học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
87	DTS267140101019	LƯỜNG VĂN HÀ	106888334073	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
88	DTS267140101022	DƯƠNG ĐÌNH HÒA	101888019979	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
89	DTS267140101023	NGUYỄN VIỆT HÒA	101888019981	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
90	DTS267140101024	LÊ THU HUYỀN	109888019983	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
91	DTS267140101026	NGÔ HÀ THIÊN HƯƠNG	106888019986	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
92	DTS267140101028	TRẦN VĨNH KHANG	104888019988	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
93	DTS267140101029	HOÀNG DUY KHÔI	104888019990	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
94	DTS267140101030	LÝ BẢO LÂM	102888019992	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
95	DTS267140101031	NGUYỄN THỊ MỸ LỆ	100888019994	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
96	DTS267140101034	NGUYỄN THÙY LINH	101888020002	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
97	DTS267140101035	NGUYỄN TRANG LINH	106888019998	Giáo dục học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
98	DTS267140101037	MA THỊ MAI	109888020004	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
99	DTS267140101038	NGUYỄN THỊ XUÂN MAI	105888020008	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
100	DTS267140101039	PHẠM THỊ XUÂN MAI	107888020006	Giáo dục học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
101	DTS267140101041	HÀ MY	105888020011	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
102	DTS267140101043	NGUYỄN THẢO NA	103888020013	Giáo dục học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
103	DTS267140101044	PHẠM THỊ ĐỨC NGUYÊN	101888020015	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
104	DTS267140101045	VŨ NGỌC THẢO NGUYÊN	102888020014	Giáo dục học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
105	DTS267140101046	ĐẶNG TRỊNH LÂM NHI	100888020016	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
106	DTS267140101047	VI THỊ NHƯ	109888020017	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
107	DTS267140101048	HOÀNG THỊ KIM OANH	108888020018	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
108	DTS267140101049	HOÀNG THỊ KIM OANH	107888020019	Giáo dục học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
109	DTS267140101050	TẨN A PHÀN	106888020022	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
110	DTS267140101051	VŨ THỊ THU PHƯƠNG	105888020023	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Sổ ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
111	DTS267140101053	LÝ TẤN QUỐC	103888020025	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
112	DTS267140101055	TRẦN THỊ MỸ TÂM	102888020026	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
113	DTS267140101057	BÙI HOÀNG BẢO THI	101888020027	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
114	DTS267140101059	NGUYỄN THỊ KIM THU	109888020029	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
115	DTS267140101060	ĐINH THỊ ANH THƯ	109888020031	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
116	DTS267140101061	HÀ LÊ ANH THƯ	100888020030	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
117	DTS267140101062	QUÁCH THANH TRÀ	107888020033	Giáo dục học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
118	DTS267140101063	HOÀNG THỊ THU TRANG	106888020034	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
119	DTS267140101064	MA VŨ HỒNG TRANG	105888020035	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
120	DTS267140101066	SÁI THỊ HÀ VY	104888020036	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
121	DTS267140101067	HOÀNG THẾ VỸ	103888020037	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
122	DTS267140101068	NGUYỄN PHƯƠNG YẾN	102888020038	Giáo dục học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
123	DTS267140201001	TRẦN THỊ QUỲNH AN	108888018288	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
124	DTS267140201003	NGUYỄN KIM ANH	104888018406	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
125	DTS267140201004	NGUYỄN NGỌC ANH	108888018290	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
126	DTS267140201005	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	109888018345	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
127	DTS267140201006	NGUYỄN THỊ KIM ANH	105888035646	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
128	DTS267140201007	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	107888018289	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
129	DTS267140201008	VŨ THỊ VÂN ANH	106888018348	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
130	DTS267140201009	HÁN NGỌC ÁNH	103888018407	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
131	DTS267140201010	NGÔ THỊ NGỌC ÁNH	107888018291	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
132	DTS267140201011	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	105888018349	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
133	DTS267140201012	PHẠM NGỌC ÁNH	102888018408	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
134	DTS267140201013	TRƯƠNG NGỌC ÁNH	106888018292	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
135	DTS267140201014	LA BẢO CHÂM	105888018351	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
136	DTS267140201015	LÝ THỊ CHÂM	103888018410	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
137	DTS267140201016	DƯƠNG QUỲNH CHI	105888018293	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
138	DTS267140201017	NÔNG MINH CHIÊU	104888018352	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
139	DTS267140201020	NÔNG HỒNG DỊU	103888018353	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
140	DTS267140201021	VÀNG THỊ DÙA	101888018412	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
141	DTS267140201023	NGUYỄN PHƯƠNG DUNG	102888018354	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
142	DTS267140201024	NGUYỄN THÙY DUNG	100888018413	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
143	DTS267140201025	HOÀNG KHÁNH DUYÊN	103888018295	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	0	215.000	391.125
144	DTS267140201026	KIM THỊ DUYÊN	101888018355	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
145	DTS267140201027	NGUYỄN THỊ MAI DUYÊN	108888018415	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
146	DTS267140201028	LỤC NÔNG THÙY DƯƠNG	102888018296	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
147	DTS267140201029	VŨ THỊ ÁNH DƯƠNG	100888018356	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
148	DTS267140201030	PHẠM THỊ HỒNG ĐIỆP	107888018416	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
149	DTS267140201031	BÀN THỊ HƯƠNG GIANG	101888018297	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
150	DTS267140201032	HOÀNG CHÂU GIANG	109888018357	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
151	DTS267140201034	LÊ HOÀNG HẠNH	100888018298	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
152	DTS267140201035	PHÍ HỒNG HẠNH	108888018358	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
153	DTS267140201038	TRƯƠNG THỊ THÚY HẰNG	107888018359	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
154	DTS267140201039	TRƯƠNG MINH HẬU	106888018417	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
155	DTS267140201040	ĐỊCH THỊ HIÊN	104888018300	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
156	DTS267140201041	NGÔ THỊ HIÊN	108888018360	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
157	DTS267140201042	NGÔ THỊ KIM HOA	105888018418	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
158	DTS267140201043	NGUYỄN PHƯƠNG HOA	103888018301	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
159	DTS267140201044	LƯỜNG THỊ HỒNG	107888018361	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
160	DTS267140201045	LÊ THỊ MINH HUỆ	104888018419	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
161	DTS267140201046	MA THỊ BÍCH HUỆ	102888018302	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
162	DTS267140201047	BÙI THỊ THANH HUYỀN	104888018364	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
163	DTS267140201048	MAI THỊ THÚY HUYỀN	105888018420	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
164	DTS267140201049	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	101888018303	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
165	DTS267140201050	NGUYỄN THỊ HUYỀN	105888018363	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
166	DTS267140201051	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	104888018421	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
167	DTS267140201052	THÂM THỊ HUYỀN	100888018304	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
168	DTS267140201053	TRIỆU MINH HUYỀN	106888018362	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
169	DTS267140201054	HƯƠNG	103888018422	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
170	DTS267140201055	LA THỊ HƯƠNG	109888018305	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
171	DTS267140201056	TRƯƠNG THU HƯƠNG	103888018365	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
172	DTS267140201057	HOÀNG THỊ VÂN KIỀU	102888018423	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
173	DTS267140201058	HÀ NGỌC KHÁNH	108888018306	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
174	DTS267140201059	PHẠM THỊ NGỌC KHÁNH	102888018366	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
175	DTS267140201061	MA THỊ MAI LAN	107888018307	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
176	DTS267140201062	MA THỊ NGỌC LAN	101888018370	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
177	DTS267140201063	NÔNG HƯƠNG LAN	100888018425	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
178	DTS267140201064	TRẦN THỊ LAN	106888018308	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
179	DTS267140201065	TRƯƠNG THỊ NGỌC LAN	109888018369	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
180	DTS267140201066	VŨ MAI LAN	109888018426	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
181	DTS267140201067	NGUYỄN THỊ TÙNG LÂM	105888018309	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
182	DTS267140201068	CAO DIỆU LINH	106888018375	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
183	DTS267140201069	ĐÀO THỊ KHÁNH LINH	107888018428	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
184	DTS267140201070	HÀ THỊ KHÁNH LINH	104888018313	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
185	DTS267140201071	HOÀNG HÀ LINH	107888018374	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
186	DTS267140201072	LA DIỆU LINH	108888018427	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
187	DTS267140201073	NGÔ THỊ PHƯƠNG LINH	106888018311	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
188	DTS267140201074	NGUYỄN KHÁNH LINH	109888018372	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
189	DTS267140201075	NGUYỄN TUỆ LINH	106888018429	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
190	DTS267140201076	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	105888018312	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
191	DTS267140201077	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	108888018373	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
192	DTS267140201078	NGUYỄN THÙY LINH	106888018431	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
193	DTS267140201080	TRẦNG THỊ LINH	100888018371	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
194	DTS267140201081	TRẦN THÙY LINH	105888018432	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
195	DTS267140201083	ĐÀM KHÁNH LY	104888018377	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
196	DTS267140201084	HOÀNG THỊ KHÁNH LY	103888018434	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
197	DTS267140201085	LƯƠNG THỊ KHÁNH LY	103888018314	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
198	DTS267140201086	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LY	105888018376	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
199	DTS267140201087	PHAN KHÁNH LY	104888018433	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
200	DTS267140201088	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LÝ	102888018315	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
201	DTS267140201090	NGUYỄN NGỌC MAI	102888018435	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
202	DTS267140201091	TẨN SỊ MẨY	100888018317	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
203	DTS267140201092	HÁN THỊ NÉN	102888018379	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
204	DTS267140201094	MA THỊ NGA	109888018318	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
205	DTS267140201095	VƯƠNG THANH NGA	103888018380	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
206	DTS267140201096	NỊNH HOA NGÂN	101888018436	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
207	DTS267140201097	LÊ THỊ NGÂN	108888018319	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
208	DTS267140201098	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	102888018381	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
209	DTS267140201099	PHẠM THÚY NGÂN	100888018437	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
210	DTS267140201100	TRẦN THANH NGÂN	109888018320	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
211	DTS267140201101	HOÀNG THỊ DIỄM NGỌC	109888018384	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
212	DTS267140201102	LÊ BẢO NGỌC	109888018438	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	0	215.000	391.125
213	DTS267140201103	NGUYỄN BÍCH NGỌC	106888018323	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
214	DTS267140201105	TRẦN KHÁNH NGỌC	108888018439	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
215	DTS267140201106	TRẦN THỊ NGỌC	107888018322	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
216	DTS267140201107	TRIỆU HOÀNG BẢO NGỌC	101888018382	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
217	DTS267140201108	BÙI HẠNH NGUYÊN	100888018440	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
218	DTS267140201109	HOÀNG THỊ NGUYỆT	105888018324	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
219	DTS267140201110	HOÀNG THỊ ÁNH NGUYỆT	108888018385	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
220	DTS267140201111	TRẦN THỊ NHÀN	109888018441	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
221	DTS267140201112	BÀN THỊ YẾN NHI	103888018326	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
222	DTS267140201113	HOÀNG THỊ YẾN NHI	106888018387	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
223	DTS267140201114	HOÀNG THỊ YẾN NHI	107888018443	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
224	DTS267140201116	PHẠM THỊ PHƯƠNG NHI	105888018388	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
225	DTS267140201117	PHÙNG YẾN NHI	108888018442	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
226	DTS267140201118	VƯƠNG NGUYỄN YẾN NHI	104888018325	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
227	DTS267140201119	LÒ THỊ HÀ NHUNG	105888018390	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
228	DTS267140201121	LÝ THỊ HỒNG NHUNG	102888018327	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
229	DTS267140201122	HOÀNG THỊ HÀ NHƯ	104888018391	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
230	DTS267140201123	NGUYỄN THỊ NHƯ	104888018446	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
231	DTS267140201124	OANH	101888018328	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
232	DTS267140201125	MÔNG THU PHƯƠNG	103888018392	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
233	DTS267140201127	ĐỖ NHƯ QUỲNH	105888035127	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
234	DTS267140201128	LÊ TRÚC QUỲNH	102888018393	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
235	DTS267140201129	GIÀNG THỊ SÊNH	103888018447	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
236	DTS267140201130	NGUYỄN THỦY TIÊN	100888018329	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
237	DTS267140201131	BÙI NHƯ TÌNH	101888018394	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
238	DTS267140201132	TRẦN GIA TUỆ	101888018449	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
239	DTS267140201133	CUNG THỊ THÀNH	101888018330	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
240	DTS267140201134	CHU THỊ PHƯƠNG THẢO	100888018395	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
241	DTS267140201135	ĐOÀN THỊ THẢO	102888018450	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
242	DTS267140201137	HÀ THỊ THƠM	109888018396	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
243	DTS267140201138	CHU HÀ THU	101888018451	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
244	DTS267140201139	NGUYỄN MINH THU	100888018331	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
245	DTS267140201140	LÃ DOÃN GIAO THUỶ	108888018397	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
246	DTS267140201141	NGUYỄN THỊ THU THỦY	100888018452	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
247	DTS267140201142	ĐỒNG TRẦN THANH THỦY	109888018332	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
248	DTS267140201144	THÚY	109888018453	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
249	DTS267140201145	BÙI ANH THƯ	106888018335	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
250	DTS267140201146	ĐÀO ANH THƯ	106888018399	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
251	DTS267140201147	LĂNG THỊ ANH THƯ	108888018454	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
252	DTS267140201148	LƯU THỊ ANH THƯ	107888018334	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
253	DTS267140201149	PHAN ANH THƯ	100888018400	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
254	DTS267140201150	HOÀNG THỊ HOÀI THƯƠNG	107888018455	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
255	DTS267140201151	PHẠM THỊ NGÂN THƯƠNG	105888018336	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
256	DTS267140201152	TỐNG HOÀI THƯƠNG	109888018401	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
257	DTS267140201153	TRANG	105888018457	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
258	DTS267140201155	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	108888018402	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
259	DTS267140201156	NGUYỄN THỊ THU TRANG	103888018459	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
260	DTS267140201157	NGUYỄN THÙY TRANG	104888018340	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
261	DTS267140201158	THẠCH PHƯƠNG TRANG	107888018403	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
262	DTS267140201160	VŨ THANH TRÚC	103888018341	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
263	DTS267140201161	LƯƠNG HẠ VY	106888018404	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
264	DTS267140201162	NGUYỄN TÔ PHƯƠNG VY	104888018460	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
265	DTS267140201163	CƯ THỊ THU YÊN	100888018344	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
266	DTS267140201164	HOÀNG HẢI YÊN	105888018405	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
267	DTS267140201165	NGUYỄN THỊ HẢI YÊN	103888018461	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
268	DTS267140201166	TRẦN HẢI YÊN	102888035169	Giáo dục Mầm non	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
269	DTS267140202001	ĐINH ĐOÀN BẢO AN	102888018462	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
270	DTS267140202002	AN	107888018537	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
271	DTS267140202003	NGUYỄN THÚY AN	103888018614	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
272	DTS267140202004	TÔ HOÀI AN	108888018685	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
273	DTS267140202005	TRẦN BẢO AN	103888018759	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
274	DTS267140202006	TRẦN THỊ HẢI AN	109888018835	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
275	DTS267140202007	BÙI DIỆU ANH	106888018911	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
276	DTS267140202008	BÙI THỊ DIỆU ANH	108888018985	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
277	DTS267140202009	ĐÀM PHƯƠNG ANH	100888018464	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
278	DTS267140202010	ĐẶNG THỊ KIỀU ANH	105888018539	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
279	DTS267140202011	HÀ PHƯƠNG ANH	102888018615	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
280	DTS267140202012	HOÀNG HÀ ANH	104888018691	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
281	DTS267140202013	HOÀNG MAI ANH	104888018760	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
282	DTS267140202014	HOÀNG NGỌC ANH	106888018838	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
283	DTS267140202015	HỨA THẠCH CHÂU ANH	103888018914	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
284	DTS267140202016	LÊ MAI ANH	105888018988	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
285	DTS267140202017	LÊ QUỲNH ANH	107888018467	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
286	DTS267140202018	LÒ PHƯƠNG ANH	106888018538	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
287	DTS267140202019	LÙ THỊ THIỆN ANH	101888018616	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
288	DTS267140202020	MAI HÀ ANH	104888018689	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
289	DTS267140202021	NGUYỄN QUỲNH ANH	101888334053	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
290	DTS267140202022	ANH	105888018839	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
291	DTS267140202023	NGUYỄN THỊ LAN ANH	105888018912	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
292	DTS267140202024	NGUYỄN THỊ MAI ANH	105888018990	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
293	DTS267140202025	NGUYỄN THỊ MAI ANH	108888018466	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
294	DTS267140202027	NGUYỄN TRẦN THU ANH	108888018619	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
295	DTS267140202028	NGUYỄN VŨ NGỌC ANH	103888018692	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
296	DTS267140202029	PHẠM PHƯƠNG ANH	102888018762	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
297	DTS267140202030	PHẠM THỊ VÂN ANH	107888018837	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
298	DTS267140202031	PHẠM THÚY ANH	102888018915	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
299	DTS267140202032	PHAN HÀ ANH	107888018986	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
300	DTS267140202033	PHÓ QUANG ANH	103888035687	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
301	DTS267140202034	TẠC THẾ ANH	107888018540	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
302	DTS267140202035	TỪ THỊ VÂN ANH	100888018617	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
303	DTS267140202036	TRẦN CHÂU ANH	106888018687	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
304	DTS267140202037	TRẦN HOÀI ANH	103888018761	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
305	DTS267140202038	TRẦN THỊ TRÂM ANH	108888018836	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
306	DTS267140202039	TRỊNH NGỌC ANH	104888018913	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
307	DTS267140202040	VY HOÀNG DUY ANH	106888018987	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
308	DTS267140202041	VY THỊ VÂN ANH	101888018463	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
309	DTS267140202042	HÀ NGỌC ÁNH	106888018541	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
310	DTS267140202043	LƯU THỊ CẨM ÁNH	108888018621	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
311	DTS267140202044	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	102888018693	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
312	DTS267140202045	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	101888018763	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
313	DTS267140202046	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	107888018840	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
314	DTS267140202047	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	101888018916	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
315	DTS267140202048	TRẦN MINH ÁNH	104888018991	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
316	DTS267140202049	TRẦN NGỌC ÁNH	106888018468	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
317	DTS267140202050	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	105888018542	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
318	DTS267140202051	VI THỊ NGỌC ÁNH	109888018620	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
319	DTS267140202052	VŨ NGỌC ÁNH	101888018694	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
320	DTS267140202054	BẾ NGỌC BÍCH	106888018841	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
321	DTS267140202055	BÙI THỊ NGỌC BÍCH	100888018917	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
322	DTS267140202056	HÀ NGỌC BÍCH	103888018992	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
323	DTS267140202057	LÝ THỊ NGỌC BÍCH	105888018469	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
324	DTS267140202058	PHẠM THỊ THÁI BÌNH	104888018543	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
325	DTS267140202059	HẠ THỊ THANH CÚC	107888018622	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
326	DTS267140202060	VŨ BẢO CHÂM	100888018695	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
327	DTS267140202061	VŨ THỊ THU CHÂM	108888018766	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
328	DTS267140202062	BÙI THỊ NGỌC CHÂU	105888018842	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
329	DTS267140202063	ĐINH THỊ DIỆU CHÂU	109888018918	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
330	DTS267140202064	LÊ THỊ NGỌC CHÂU	102888018993	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
331	DTS267140202065	LƯƠNG HOÀNG HẢI CHÂU	107888018470	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
332	DTS267140202066	PHÙNG BẢO CHÂU	103888018544	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
333	DTS267140202067	ĐẶNG QUỲNH CHI	106888018623	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
334	DTS267140202068	ĐINH THỊ THÙY CHI	109888018696	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
335	DTS267140202069	ĐOÀN THỊ KIM CHI	106888018768	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
336	DTS267140202070	LANG DIỆP CHI	103888018844	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
337	DTS267140202071	LÊ KHÁNH CHI	109888018920	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
338	DTS267140202072	LƯU KIM CHI	100888018995	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
339	DTS267140202073	NGUYỄN KIM CHI	106888018471	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
340	DTS267140202074	NGUYỄN THỊ LINH CHI	102888018545	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
341	DTS267140202075	NGUYỄN VŨ THÙY CHI	105888018624	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
342	DTS267140202076	PHẠM MAI CHI	108888018697	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
343	DTS267140202077	PHẠM QUỲNH CHI	107888018767	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
344	DTS267140202078	TRẦN NGỌC BẢO CHI	104888018843	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
345	DTS267140202079	TRẦN PHẠM XUÂN CHI	108888018919	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
346	DTS267140202080	VŨ THỊ QUỲNH CHI	101888018994	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
347	DTS267140202081	TRẦN THỊ CHIÊN	105888018472	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
348	DTS267140202082	CHINH	101888018546	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
349	DTS267140202083	HÀ THỊ THU CHUYÊN	104888018625	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
350	DTS267140202084	NGUYỄN HỒNG CHUYÊN	107888018698	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
351	DTS267140202085	VÀNG THỊ CHỨ	105888018769	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
352	DTS267140202086	DOANH THÙY DIỄM	102888018845	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
353	DTS267140202087	HOÀNG THỊ HUYỀN DIỄM	108888018921	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
354	DTS267140202088	HOÀNG THỊ NGỌC DIỄM	109888018996	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
355	DTS267140202089	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM	104888018473	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
356	DTS267140202090	NGUYỄN BÍCH DIỆP	100888018547	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
357	DTS267140202091	NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆP	103888018626	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
358	DTS267140202092	TRƯƠNG NGỌC DIỆP	106888018699	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
359	DTS267140202093	HOÀNG NGỌC DIỆU	107888018770	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
360	DTS267140202094	MÔNG THANH DIỆU	100888018847	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
361	DTS267140202095	NGUYỄN HUYỀN DIỆU	107888018922	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
362	DTS267140202096	PHAN THỊ HUYỀN DIỆU	108888018997	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
363	DTS267140202097	GIÀNG THỊ PHÙ DUNG	103888018474	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
364	DTS267140202098	LÊ THÙY DUNG	109888018548	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
365	DTS267140202100	NGUYỄN PHƯƠNG DUNG	100888018700	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
366	DTS267140202101	NGUYỄN THỊ MAI DUNG	106888018771	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
367	DTS267140202102	NGUYỄN THỊ THUỲ DUNG	108888018849	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
368	DTS267140202103	DUNG	106888018923	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
369	DTS267140202104	SÙNG SEO DÙNG	101888019001	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
370	DTS267140202105	BÀN VĂN DUY	102888018475	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
371	DTS267140202106	LƯU KIM DUYÊN	108888018549	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
372	DTS267140202107	PẢO THỊ DUYÊN	102888018627	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
373	DTS267140202108	PHẠM MỸ DUYÊN	102888035718	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
374	DTS267140202109	HOÀNG THỊ HẢI DƯƠNG	105888018772	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
375	DTS267140202110	NÔNG KHÁNH DƯƠNG	109888018850	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
376	DTS267140202111	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	103888018926	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
377	DTS267140202112	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	100888019002	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
378	DTS267140202113	LÊ DUY THÀNH ĐẠT	101888018476	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
379	DTS267140202114	HOÀNG THANH ĐIỆP	109888018550	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
380	DTS267140202115	NÔNG ĐỨC ĐỊNH	101888018628	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
381	DTS267140202116	MAI XUÂN ĐỨC	109888018701	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
382	DTS267140202117	NGUYỄN KHẮC ĐỨC	104888018773	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
383	DTS267140202118	HÒA THỊ TRÀ GIANG	108888018851	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
384	DTS267140202119	GIANG	102888018927	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
385	DTS267140202120	LÊ THỊ HƯƠNG GIANG	109888019003	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
386	DTS267140202121	MA THỊ HƯƠNG GIANG	100888018477	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
387	DTS267140202122	NGUYỄN PHAN HÀ GIANG	108888018551	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
388	DTS267140202123	NGUYỄN THỊ KIỀU GIANG	100888018629	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
389	DTS267140202124	PHẠM HƯƠNG GIANG	108888018702	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
390	DTS267140202125	SẦM THU GIANG	103888018774	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
391	DTS267140202126	NGUYỄN QUỲNH GIAO	107888018852	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
392	DTS267140202127	BÙI NGỌC HÀ	100888018929	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
393	DTS267140202128	BÙI PHẠM NGỌC HÀ	107888019005	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
394	DTS267140202129	BÙI PHƯƠNG HÀ	109888018478	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
395	DTS267140202130	HOÀNG THỊ HÀ	107888018552	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
396	DTS267140202131	LÊ THU HÀ	101888018630	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
397	DTS267140202132	LƯƠNG THỊ THU HÀ	107888018703	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
398	DTS267140202133	NGUYỄN HỒ NGỌC HÀ	102888018775	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
399	DTS267140202134	NGUYỄN NGỌC HÀ	106888018853	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
400	DTS267140202135	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	101888018928	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Sổ ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
401	DTS267140202136	NGUYỄN THỊ THU HÀ	108888019004	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
402	DTS267140202137	NGUYỄN THU HÀ	108888018479	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
403	DTS267140202138	LÊ ĐÌNH NHẬT HẠ	106888018553	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
404	DTS267140202139	LÝ THỊ THANH HẠ	100888018631	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
405	DTS267140202140	NGUYỄN THỊ KHÁNH HẠ	106888018704	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
406	DTS267140202141	ĐINH THỊ NGỌC HẢI	101888018776	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
407	DTS267140202142	QUAN THỊ HỒNG HẠNH	105888018854	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
408	DTS267140202143	ĐỖ THỊ HẢO	101888018930	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
409	DTS267140202144	HOÀNG THỊ MỸ HẢO	106888019006	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
410	DTS267140202145	ĐỖ THỊ HẰNG	109888018480	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
411	DTS267140202146	ĐỖ THỊ HẰNG	105888018554	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
412	DTS267140202147	PHẠM THÚY HẰNG	109888018632	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	0	215.000	391.125
413	DTS267140202148	HOÀNG NGỌC HÂN	105888018705	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
414	DTS267140202149	LỘC GIA HÂN	108888018779	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
415	DTS267140202150	NGUYỄN GIA HÂN	109888334055	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
416	DTS267140202151	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	100888018931	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
417	DTS267140202152	LÊ THỊ NGỌC HIỀN	105888019007	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
418	DTS267140202153	BÙI THỊ HIỀN	108888018481	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
419	DTS267140202154	DƯƠNG THU HIỀN	103888018556	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
420	DTS267140202155	ĐỖ THỊ HIỀN	108888018633	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
421	DTS267140202156	HỨA THỊ THÚY HIỀN	103888018707	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
422	DTS267140202157	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	109888018780	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
423	DTS267140202158	VŨ MINH HIỀN	104888018855	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
424	DTS267140202159	CAO THỊ THANH HIỆP	109888018932	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
425	DTS267140202160	DƯƠNG KHẮC HIẾU	104888019008	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	0	215.000	391.125
426	DTS267140202161	DƯƠNG XUÂN HOA	107888018482	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
427	DTS267140202162	NGUYỄN NGỌC HOA	102888018557	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
428	DTS267140202163	HOA	107888018634	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
429	DTS267140202164	VƯƠNG THỊ MAI HOA	103888018710	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
430	DTS267140202166	QUÁCH NGỌC HÒA	103888018856	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
431	DTS267140202167	NGUYỄN THU HOÀI	108888018933	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
432	DTS267140202169	HOÀNG BÍCH HỒNG	106888018483	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
433	DTS267140202170	SÙNG A HỚ	100888018559	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
434	DTS267140202171	CHU THỊ HỚI	106888018635	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
435	DTS267140202172	ĐẶNG THU HỢI	102888018711	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
436	DTS267140202173	BÀN KIM HUỆ	108888018781	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
437	DTS267140202174	ĐẶNG THU HUỆ	102888018857	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
438	DTS267140202175	LA THỊ HUỆ	107888018934	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
439	DTS267140202176	MA THỊ HOÀNG HUỆ	105888019010	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
440	DTS267140202177	NGHIÊM THỊ THU HUỆ	104888018485	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
441	DTS267140202178	LÝ VIỆT HÙNG	101888018560	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
442	DTS267140202179	CHẢO THỊ HUYỀN	103888018638	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
443	DTS267140202180	CHU PHƯƠNG HUYỀN	100888018713	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
444	DTS267140202181	DƯƠNG THANH HUYỀN	108888035367	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
445	DTS267140202182	ĐÀO THANH HUYỀN	101888018858	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
446	DTS267140202184	HOÀNG NGỌC HUYỀN	103888019012	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	0	215.000	391.125
447	DTS267140202185	LÒ THỊ THU HUYỀN	102888018487	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
448	DTS267140202186	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	109888018562	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
449	DTS267140202187	NGUYỄN THANH HUYỀN	104888018637	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
450	DTS267140202188	NGUYỄN THỊ DẦN HUYỀN	109888018714	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
451	DTS267140202189	HUYỀN	106888018783	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
452	DTS267140202190	NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN	100888018859	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
453	DTS267140202191	HUYỀN	106888018935	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
454	DTS267140202192	PHẠM KHÁNH HUYỀN	104888019011	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
455	DTS267140202193	PHẠM THỊ HUYỀN	103888018486	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
456	DTS267140202194	PHÙNG KHÁNH HUYỀN	100888018561	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
457	DTS267140202195	THIỀU THỊ MINH HUYỀN	105888018636	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
458	DTS267140202196	TRIỆU THANH HUYỀN	101888018712	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
459	DTS267140202197	TRIỆU THỊ THU HUYỀN	107888018782	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
460	DTS267140202200	KIM HOÀNG QUANG HƯNG	107888334057	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
461	DTS267140202201	BÙI THỊ THU HƯƠNG	101888018488	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
462	DTS267140202202	ĐẶNG THỊ THANH HƯƠNG	107888018564	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
463	DTS267140202203	ĐỖ THỊ MAI HƯƠNG	102888018639	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
464	DTS267140202204	GIÁP VŨ QUỲNH HƯƠNG	107888018716	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
465	DTS267140202205	HÀ THANH HƯƠNG	103888018786	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
466	DTS267140202206	HÀ THU HƯƠNG	100888018861	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
467	DTS267140202207	LƯU THIÊN HƯƠNG	105888018936	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
468	DTS267140202208	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	102888019013	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
469	DTS267140202209	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	100888018489	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
470	DTS267140202210	NGUYỄN THU HƯƠNG	108888018563	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
471	DTS267140202211	PHẠM THẢO HƯƠNG	104888018640	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
472	DTS267140202212	PHẠM THỊ THANH HƯƠNG	108888018715	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
473	DTS267140202213	HƯƠNG	104888018785	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
474	DTS267140202214	TRƯƠNG THỊ MAI HƯƠNG	101888018860	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
475	DTS267140202215	VŨ THỊ MAI HƯƠNG	104888018937	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
476	DTS267140202216	LƯƠNG THỊ THÚY HƯỜNG	101888019014	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
477	DTS267140202217	MA THỊ THU HƯỜNG	101888018490	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
478	DTS267140202218	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	106888018565	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
479	DTS267140202219	TRIỆU THỊ HƯỜNG	103888018641	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
480	DTS267140202220	NÔNG THÚY KIỀU	106888018717	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
481	DTS267140202221	NGUYỄN THỊ KIỀU	101888018788	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
482	DTS267140202222	ĐÀM VĂN KỲ	109888018862	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
483	DTS267140202223	LỘC THỊ GIANG KHANH	103888018938	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
484	DTS267140202224	DƯƠNG BẢO KHÁNH	106888334058	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
485	DTS267140202225	HOÀNG NHẬT KHÁNH	100888018491	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
486	DTS267140202226	NGUYỄN AN KHÁNH	105888018566	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
487	DTS267140202227	ĐẶNG NGỌC KHUÊ	102888018642	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
488	DTS267140202228	NGÔ THỊ NGỌC KHUÊ	105888018718	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
489	DTS267140202229	NÔNG THỊ NGỌC KHUYÊN	100888018789	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
490	DTS267140202231	VŨ THỊ HOÀNG LAN	102888018939	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
491	DTS267140202232	ĐẶNG NHẬT LỆ	100888019015	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
492	DTS267140202233	HOÀNG THỊ MỸ LỆ	109888018492	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
493	DTS267140202234	MA THỊ LIÊN	104888018567	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
494	DTS267140202235	NGUYỄN KIM LIÊN	100888018644	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
495	DTS267140202236	LÝ THỊ LIỄU	104888018719	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
496	DTS267140202237	BÙI THỊ NGỌC LINH	108888018793	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
497	DTS267140202238	ĐẶNG HUYỀN LINH	102888018869	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
498	DTS267140202239	ĐINH HOÀNG DIỆU LINH	101888018943	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
499	DTS267140202240	ĐINH NGỌC LINH	105888019022	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
500	DTS267140202241	ĐỖ THÙY LINH	103888018498	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
501	DTS267140202243	HOÀNG CẨM LINH	108888018646	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
502	DTS267140202244	HOÀNG DIỆU LINH	105888018720	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
503	DTS267140202245	HOÀNG HÀ LINH	109888018792	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
504	DTS267140202246	HOÀNG THỊ KHÁNH LINH	104888018867	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
505	DTS267140202247	HOÀNG THỊ THÙY LINH	109888018945	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
506	DTS267140202248	HOÀNG THỊ THÙY LINH	107888019020	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
507	DTS267140202249	HOÀNG THÙY LINH	107888018500	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
508	DTS267140202250	LÃNH DIỆU LINH	102888018569	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
509	DTS267140202251	LÊ THỊ HÀ LINH	107888018647	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
510	DTS267140202252	LÊ THỊ PHƯƠNG LINH	101888018724	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
511	DTS267140202253	LÊ THỊ PHƯƠNG LINH	100888018791	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
512	DTS267140202254	LƯƠNG THÙY LINH	104888018870	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
513	DTS267140202255	LƯU HÀ LINH	104888018940	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
514	DTS267140202256	NGHIÊM THÙY LINH	107888019018	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
515	DTS267140202257	NGUYỄN ĐỖ KHÁNH LINH	107888018494	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
516	DTS267140202258	NGUYỄN HOÀNG LINH	103888018568	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
517	DTS267140202260	NGUYỄN KHÁNH LINH	104888018721	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
518	DTS267140202261	NGUYỄN MAI LINH	101888018790	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
519	DTS267140202262	NGUYỄN NGỌC LINH	106888018865	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
520	DTS267140202263	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	100888018944	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
521	DTS267140202264	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	108888019017	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	0	215.000	391.125
522	DTS267140202265	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	104888018497	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
523	DTS267140202266	NGUYỄN THẢO LINH	103888018571	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
524	DTS267140202267	NGUYỄN THỊ HÀ LINH	106888018495	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
525	DTS267140202268	NGUYỄN THỊ HÀ LINH	100888018725	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
526	DTS267140202269	NGUYỄN THỊ HỒNG LINH	107888018794	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
527	DTS267140202270	NGUYỄN THỊ THUỲ LINH	108888334056	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
528	DTS267140202271	NGUYỄN THUỲ LINH	103888018941	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
529	DTS267140202272	NGUYỄN THÙY LINH	105888334059	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
530	DTS267140202273	NGUYỄN THÙY LINH	108888018493	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
531	DTS267140202274	LINH	104888018570	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
532	DTS267140202275	PHẠM THÙY LINH	109888018645	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
533	DTS267140202276	QUAN THỊ DIỆU LINH	102888018723	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
534	DTS267140202277	TRẦN KHÁNH LINH	106888018795	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
535	DTS267140202278	TRẦN PHƯƠNG LINH	107888018864	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
536	DTS267140202279	TRẦN THỊ THUỲ LINH	102888018942	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
537	DTS267140202280	TRẦN THỊ THÙY LINH	106888019021	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
538	DTS267140202281	TRỊNH MAI LINH	105888018496	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
539	DTS267140202282	VÕ DIỆU LINH	102888018572	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
540	DTS267140202283	VŨ THỊ PHƯƠNG LINH	106888018648	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
541	DTS267140202284	VŨ THÙY LINH	103888018722	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
542	DTS267140202285	BÙI THỊ HỒNG LUYẾN	105888018796	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
543	DTS267140202286	HỨA HIỀN LƯƠNG	103888018871	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
544	DTS267140202287	DƯƠNG KHÁNH LY	108888018946	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
545	DTS267140202288	LA THỊ LY	104888019023	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
546	DTS267140202289	PHẠM HƯƠNG LY	106888018501	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
547	DTS267140202290	PHÍ KHÁNH LY	101888018573	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
548	DTS267140202291	TRIỆU PHƯƠNG LY	105888018649	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
549	DTS267140202292	NGUYỄN MINH LÝ	109888018726	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
550	DTS267140202293	BÙI NGỌC MAI	104888018797	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
551	DTS267140202294	DƯƠNG THỊ TUYẾT MAI	101888018873	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
552	DTS267140202295	HÀ HOÀNG MAI	106888018948	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
553	DTS267140202296	HOÀNG NGỌC MAI	103888019024	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
554	DTS267140202297	HOÀNG THỊ HỒNG MAI	105888018502	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
555	DTS267140202298	KHỔNG NHẬT MAI	100888018574	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
556	DTS267140202299	NGUYỄN ĐỖ QUỲNH MAI	106888018650	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
557	DTS267140202300	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	108888018727	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
558	DTS267140202301	NHỮ THỊ NGỌC MAI	103888018798	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
559	DTS267140202302	PHẠM THỊ NGỌC MAI	102888018872	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
560	DTS267140202303	TẠ THỊ XUÂN MAI	107888018947	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
561	DTS267140202304	TRẦN NGỌC MAI	102888019025	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
562	DTS267140202305	VŨ THỊ MAI	104888018503	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
563	DTS267140202306	ĐỖ ĐỨC MẠNH	109888018575	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
564	DTS267140202307	TRƯƠNG THỊ MẾN	105888018651	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
565	DTS267140202308	DƯƠNG TRÀ MI	107888018728	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
566	DTS267140202309	BÙI THỊ TÂM MINH	102888018799	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
567	DTS267140202310	HOÀNG XUÂN MINH	100888018874	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
568	DTS267140202311	LÊ QUANG MINH	105888018949	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
569	DTS267140202312	HOÀNG HÀ MY	101888019026	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
570	DTS267140202313	NÔNG HUYỀN MY	103888018504	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
571	DTS267140202314	NGUYỄN HẢI MY	108888018576	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
572	DTS267140202315	NGUYỄN THỊ HÀ MY	104888018652	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
573	DTS267140202316	NGUYỄN TRÀ MY	106888018729	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
574	DTS267140202317	PHẠM TRÀ MY	107888018800	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Sổ ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
575	DTS267140202318	NGUYỄN THỊ MỸ	109888018875	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
576	DTS267140202319	KHOÀNG HẢI NAM	106888018950	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
577	DTS267140202320	LẠI NGỌC NAM	100888019027	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
578	DTS267140202321	BẾ QUỲNH NGA	102888018505	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
579	DTS267140202322	ĐINH VÂN NGA	107888018577	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
580	DTS267140202323	HOÀNG THÚY NGA	103888018653	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
581	DTS267140202324	LÊ THỊ NGA	107888018730	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
582	DTS267140202325	LÒ THỊ NGA	105888018802	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
583	DTS267140202326	TRẦN THÚY NGA	108888018876	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
584	DTS267140202327	BÙI KIM NGÂN	105888018951	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
585	DTS267140202328	CAO THỊ KIM NGÂN	108888019029	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
586	DTS267140202329	ĐÀO HOÀNG NGÂN	100888018507	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
587	DTS267140202330	HÀ HỒNG NGÂN	106888018578	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
588	DTS267140202331	HOÀNG KIM NGÂN	102888018654	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
589	DTS267140202332	LẠI THỊ KIM NGÂN	109888035284	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
590	DTS267140202333	LÊ THANH NGÂN	104888018803	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
591	DTS267140202334	NGUYỄN THU NGÂN	107888018877	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
592	DTS267140202335	TRẦN KIM NGÂN	104888018952	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
593	DTS267140202336	TRẦN THỊ THANH NGÂN	109888019028	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
594	DTS267140202337	TRẦN THỊ THẢO NGÂN	101888018506	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
595	DTS267140202338	NGUYỄN THỊ MINH NGHĨA	105888018579	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
596	DTS267140202340	ĐẶNG THỊ MINH NGỌC	104888035334	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
597	DTS267140202341	HÀ YẾN NGỌC	100888334054	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
598	DTS267140202342	HOÀNG MINH NGỌC	105888018881	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
599	DTS267140202343	HỒ THỊ MINH NGỌC	102888018954	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
600	DTS267140202344	LA THỊ MINH NGỌC	108888019031	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
601	DTS267140202345	LÃNG HỒNG NGỌC	109888018508	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
602	DTS267140202346	LÂM BÍCH NGỌC	105888018581	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
603	DTS267140202347	LÊ THỊ KHÁNH NGỌC	109888018657	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
604	DTS267140202348	LÒ THỊ BẢO NGỌC	106888018731	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
605	DTS267140202349	LÝ BẢO NGỌC	102888018805	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
606	DTS267140202350	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	105888018879	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
607	DTS267140202351	NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	101888018955	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
608	DTS267140202352	SÈN BÍCH NGỌC	109888019030	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
609	DTS267140202353	THÂN YẾN NGỌC	108888018509	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
610	DTS267140202354	TRẦN VŨ BẢO NGỌC	106888018580	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
611	DTS267140202355	TRIỆU BÍCH NGỌC	100888018656	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
612	DTS267140202356	TRỊNH NHƯ NGỌC	105888018732	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
613	DTS267140202357	VŨ THỊ VƯƠNG NGỌC	103888018804	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
614	DTS267140202358	VƯƠNG NHƯ NGỌC	106888018878	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
615	DTS267140202359	NGUYÊN	100888018956	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
616	DTS267140202360	BÙI THẢO NGUYÊN	107888019032	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
617	DTS267140202361	ĐOÀN THỊ THẢO NGUYÊN	100888018510	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
618	DTS267140202362	NGUYỄN HỒNG NGUYÊN	104888018582	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
619	DTS267140202363	NGUYỄN THẢO NGUYÊN	108888018658	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
620	DTS267140202364	BÙI THỊ NGUYÊN	104888018733	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
621	DTS267140202365	LỤC THỊ NGUYỆT	101888018806	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
622	DTS267140202366	NÔNG THỊ BÍCH NGUYỆT	104888018882	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
623	DTS267140202367	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	109888018957	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
624	DTS267140202368	NGUYỆT	106888019033	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
625	DTS267140202369	PHẠM ÁNH NGUYỆT	109888018511	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
626	DTS267140202370	TRẦN THỊ NHƯ NGUYỆT	103888018583	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
627	DTS267140202371	ĐIỀN NGUYỄN TÂN NHÂN	107888018659	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
628	DTS267140202372	TRỊNH THANH NHÀN	103888018734	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
629	DTS267140202373	NGUYỄN HÀ NHẬT	100888018807	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
630	DTS267140202374	BÙI THỊ YẾN NHI	103888018883	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	20.000	215.000	361.125
631	DTS267140202375	BÙI YẾN NHI	108888018958	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
632	DTS267140202376	DƯƠNG THỊ YẾN NHI	105888019034	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Sổ ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
633	DTS267140202378	ĐOÀN THỊ YẾN NHI	100888018586	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
634	DTS267140202380	LƯỠNG THỊ UYÊN NHI	102888018735	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
635	DTS267140202381	NGUYỄN ĐOÀN YẾN NHI	109888018808	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
636	DTS267140202382	NGUYỄN KIM YẾN NHI	102888018884	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
637	DTS267140202383	NGUYỄN KHÁNH NHI	107888018959	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
638	DTS267140202384	NGUYỄN LÊ HÀ NHI	103888019036	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
639	DTS267140202385	NGUYỄN NGỌC NHI	108888018512	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
640	DTS267140202386	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	109888018587	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
641	DTS267140202387	NGUYỄN YẾN NHI	108888018660	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	0	215.000	391.125
642	DTS267140202388	NGUYỄN YẾN NHI	101888018736	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
643	DTS267140202389	TRẦN THỊ NHÌ	108888018809	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
644	DTS267140202390	DƯƠNG THÙY NHIÊN	101888018885	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
645	DTS267140202391	DƯƠNG THỊ HỒNG NHUNG	108888018960	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
646	DTS267140202392	LÝ THỊ HỒNG NHUNG	102888019037	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
647	DTS267140202393	NÔNG THỊ NHUNG	106888018514	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
648	DTS267140202394	NHUNG	107888018589	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
649	DTS267140202395	NGUYỄN PHƯƠNG NHUNG	107888018661	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
650	DTS267140202396	NGUYỄN THỊ NHUNG	100888018737	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
651	DTS267140202397	TÔ THỊ HỒNG NHUNG	109888018811	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
652	DTS267140202398	CHU QUỲNH NHƯ	107888018889	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
653	DTS267140202399	HẠ THỊ QUỲNH NHƯ	107888018961	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
654	DTS267140202400	PHẠM NGUYỄN GIA NHƯ	101888019038	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
655	DTS267140202401	TRIỆU QUỲNH NHƯ	105888018515	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
656	DTS267140202402	VI QUỲNH NHƯ	108888018590	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
657	DTS267140202403	LƯU THỊ TÚ OANH	106888018662	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
658	DTS267140202404	NGUYỄN THỊ KIM OANH	109888018738	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
659	DTS267140202405	ĐỖ MINH PHÚ	108888018812	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	0	215.000	391.125
660	DTS267140202406	LÊ ANH PHÚ	108888018890	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
661	DTS267140202407	BÙI THÚY PHỤNG	106888018962	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
662	DTS267140202408	HOÀNG THỊ MAI PHƯƠNG	100888019039	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
663	DTS267140202409	LÊ ĐỖ HÀ PHƯƠNG	104888018516	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
664	DTS267140202410	PHƯƠNG	107888018591	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
665	DTS267140202411	VŨ QUỲNH PHƯƠNG	105888018663	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
666	DTS267140202412	ĐINH THỊ BÍCH PHƯỢNG	108888018739	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
667	DTS267140202413	PHẠM THỊ KIM PHƯỢNG	107888018813	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
668	DTS267140202414	VŨ THỊ PHƯỢNG	107888018891	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
669	DTS267140202415	HOÀNG HƯƠNG QUẾ	105888018963	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
670	DTS267140202416	NGUYỄN THẾ LỆ QUYÊN	102888019040	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
671	DTS267140202417	QUYÊN	103888018517	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
672	DTS267140202418	TRẦN THU QUYÊN	106888018592	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
673	DTS267140202419	LĂNG NGỌC QUYÊN	104888018664	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
674	DTS267140202420	BÙI NHƯ QUỲNH	100888018740	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
675	DTS267140202421	DƯƠNG THỊ TRÚC QUỲNH	106888018814	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
676	DTS267140202422	HOÀNG NHƯ QUỲNH	106888018892	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
677	DTS267140202423	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	104888018964	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
678	DTS267140202424	NGUYỄN TÔ HOÀNG SA	101888019041	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
679	DTS267140202425	NGUYỄN DOÃN SÁNG	103888334051	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
680	DTS267140202426	HÀ THỊ SINH	104888018594	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
681	DTS267140202427	HẦU THỊ TÂM	103888018665	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
682	DTS267140202428	LÝ MINH TÂM	109888018741	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
683	DTS267140202429	NGUYỄN BẢO TÂM	105888018815	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
684	DTS267140202430	TÂM	105888018893	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
685	DTS267140202431	NGUYỄN TÔ PHƯƠNG TÂM	103888018965	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
686	DTS267140202432	TÒNG THỊ TÂM	100888019042	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
687	DTS267140202433	TRẦN THỊ TÂM	102888018518	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
688	DTS267140202436	NÔNG NGỌC TIẾN	108888018742	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
689	DTS267140202437	NGUYỄN ĐẮC TIẾN	104888018816	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
690	DTS267140202439	LÝ THỊ CẨM TÚ	102888018966	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Sổ ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
691	DTS267140202440	NGUYỄN CẨM TÚ	109888019043	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
692	DTS267140202441	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	101888018519	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
693	DTS267140202442	TA TÚ TÚ	102888018596	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
694	DTS267140202443	VŨ THỊ CẨM TÚ	109888018669	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
695	DTS267140202444	LÊ ANH TUẤN	106888018744	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
696	DTS267140202445	TRẦN THỊ TUYẾN	103888018817	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
697	DTS267140202446	DOÃN THỊ TUYẾT	106888486519	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
698	DTS267140202447	DƯƠNG THỊ ÁNH TUYẾT	100888018968	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
699	DTS267140202448	PHẠM ÁNH TUYẾT	108888019044	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
700	DTS267140202449	VŨ KIM TUYẾT	102888018520	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
701	DTS267140202450	HOÀNG MẠNH TƯỜNG	101888018597	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
702	DTS267140202451	DƯƠNG KIỀU THANH	101888018670	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
703	DTS267140202452	ĐỒNG THIÊN THANH	105888018745	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
704	DTS267140202453	NGÔ THỊ PHƯƠNG THANH	102888018818	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
705	DTS267140202454	TRẦN THỊ MINH THANH	104888018894	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
706	DTS267140202455	BÙI PHƯƠNG THẢO	109888018969	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
707	DTS267140202456	CHU THỊ PHƯƠNG THẢO	107888019045	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
708	DTS267140202457	DƯƠNG THỊ THU THẢO	100888018522	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
709	DTS267140202458	ĐẶNG THANH THẢO	100888018598	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
710	DTS267140202459	HOÀNG DIỆU THẢO	109888018672	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
711	DTS267140202460	LÃ PHƯƠNG THẢO	103888018747	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
712	DTS267140202461	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	102888018820	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
713	DTS267140202462	LƯƠNG NHƯ THẢO	102888018896	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
714	DTS267140202463	NGÔ PHƯƠNG THẢO	100888018971	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
715	DTS267140202464	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	106888486506	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
716	DTS267140202465	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	109888018523	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
717	DTS267140202466	NGUYỄN THỊ THẢO	104888018600	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
718	DTS267140202467	NGUYỄN THỊ THẢO	100888018671	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
719	DTS267140202468	PHẠM PHƯƠNG THẢO	104888018746	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
720	DTS267140202469	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	101888018819	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
721	DTS267140202470	PHÙNG THỊ THANH THẢO	103888018895	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
722	DTS267140202471	QUÁCH PHƯƠNG THẢO	101888018970	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
723	DTS267140202472	TRẦN DẠ THẢO	106888019046	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
724	DTS267140202473	THẢO	101888018521	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
725	DTS267140202474	VŨ THANH THẢO	109888018599	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
726	DTS267140202475	BÙI THỊ HỒNG THẮM	108888018673	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
727	DTS267140202476	ĐÀO THỊ THẮM	102888018748	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
728	DTS267140202477	TRẦN THỊ THẮM	101888018821	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
729	DTS267140202478	TRẦN THỊ THIẾT	101888018897	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
730	DTS267140202479	HOÀNG ANH THƠ	109888018972	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
731	DTS267140202480	TÒNG THỊ THỚI	104888019048	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
732	DTS267140202481	BÙI HOÀI THƠM	108888018524	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
733	DTS267140202482	LÒ THỊ THƠM	103888018601	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
734	DTS267140202483	BÀN THỊ KIM THU	107888018674	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
735	DTS267140202484	ĐÀO MINH THU	101888018749	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
736	DTS267140202485	ĐÀO THỊ NHẬT THU	100888018822	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
737	DTS267140202486	PHẠM DIỆU THU	100888018898	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
738	DTS267140202487	HỨA THỊ THANH THUỶ	108888018973	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
739	DTS267140202488	ĐẶNG THỊ THÙY	103888019049	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
740	DTS267140202489	PHẠM PHƯƠNG THÙY	107888018525	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
741	DTS267140202490	ĐINH NGỌC THÙY	102888018602	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
742	DTS267140202491	LÊ THỊ THÙY	106888018675	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
743	DTS267140202492	LÝ THỊ THU THÙY	102888018750	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
744	DTS267140202493	NGUYỄN THANH THÙY	109888018823	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
745	DTS267140202494	THÙY	109888018899	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
746	DTS267140202495	ĐỖ AN THUYÊN	107888018974	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
747	DTS267140202497	BÀN ANH THƯ	102888334052	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
748	DTS267140202498	CHU ANH THƯ	101888018603	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
749	DTS267140202499	HOÀNG ANH THƯ	105888018676	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
750	DTS267140202500	HOÀNG THANH THƯ	101888018751	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
751	DTS267140202501	NGÔ THỊ MINH THƯ	108888018824	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
752	DTS267140202502	TẠ NGỌC MINH THƯ	104888018900	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
753	DTS267140202503	TRẦN ANH THƯ	106888018975	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
754	DTS267140202504	BÙI THỊ HỒNG THƯƠNG	103888019051	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
755	DTS267140202505	ĐỖ THỊ THƯƠNG	106888018526	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
756	DTS267140202506	HOÀNG MAI THƯƠNG	100888018604	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
757	DTS267140202507	PHẠM THỊ THƯƠNG	104888018677	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
758	DTS267140202508	PHẠM THỊ HỒNG THƯƠNG	100888018752	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
759	DTS267140202509	QUÁCH QUỲNH THƯƠNG	107888018825	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
760	DTS267140202510	VŨ THỊ THƯƠNG	103888018901	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
761	DTS267140202511	CHU THỊ THU TRANG	103888018978	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
762	DTS267140202512	HIÊN THỊ HUYỀN TRANG	102888019052	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
763	DTS267140202513	HOÀNG THỊ MAI TRANG	104888018530	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
764	DTS267140202514	LÊ QUỲNH TRANG	108888018606	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
765	DTS267140202515	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	102888018679	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
766	DTS267140202517	NGUYỄN HÀ TRANG	105888018827	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
767	DTS267140202518	TRANG	102888018902	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
768	DTS267140202519	NGUYỄN MAI TRANG	104888018977	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
769	DTS267140202520	NGUYỄN THU TRANG	100888019054	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
770	DTS267140202521	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	105888018527	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
771	DTS267140202522	PHẠM THU TRANG	109888018605	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
772	DTS267140202523	PHẠM THU TRANG	103888018678	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
773	DTS267140202524	PHẠM THÙY TRANG	109888018753	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
774	DTS267140202525	TẠ KIỀU TRANG	106888018826	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
775	DTS267140202526	TRẦN THỊ THU TRANG	100888018904	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
776	DTS267140202527	TRẦN THỊ THU TRANG	105888018976	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
777	DTS267140202528	VI THỊ THÙY TRANG	101888019053	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
778	DTS267140202529	VŨ THỊ THU TRANG	104888018528	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
779	DTS267140202530	BÙI THỊ PHƯƠNG TRÂM	107888018607	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
780	DTS267140202531	DƯƠNG THÙY TRÂM	103888018680	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
781	DTS267140202532	HÀ NGỌC TRÂM	107888018755	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
782	DTS267140202533	NGUYỄN NGỌC TRÂM	104888018828	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
783	DTS267140202534	MA THỊ BẢO TRÂN	109888018905	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
784	DTS267140202535	HÀ MINH TRÍ	102888018979	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
785	DTS267140202536	TRINH	109888019055	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
786	DTS267140202537	HOÀNG THỊ TUYẾT TRINH	103888018531	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
787	DTS267140202538	LÊ KIỀU TRINH	106888018608	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
788	DTS267140202539	NGUYỄN PHƯƠNG TRINH	102888018681	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
789	DTS267140202540	TRINH	106888018756	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
790	DTS267140202541	ĐỊCH ĐỒNG THANH TRÚC	103888018829	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
791	DTS267140202542	HOÀNG THÀNH TRUNG	108888018906	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
792	DTS267140202543	LÝ THIÊN TRƯỜNG	103888018980	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
793	DTS267140202544	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	107888019057	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
794	DTS267140202545	TRẦN MỸ UYÊN	100888018534	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
795	DTS267140202546	HỜ KHÁNH VÂN	105888018609	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
796	DTS267140202547	LÊ THỊ THẢO VÂN	101888018682	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
797	DTS267140202548	LƯƠNG HIẾU VÂN	105888018757	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
798	DTS267140202549	LƯƠNG THỊ KHÁNH VÂN	103888018831	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
799	DTS267140202550	PHẠN THỊ VÂN	107888018907	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
800	DTS267140202551	TRẦN THỊ NGỌC VÂN	102888018981	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
801	DTS267140202552	VÀ Y THÚY VÂN	106888019058	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
802	DTS267140202553	QUAN THỊ THẢO VI	109888018535	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
803	DTS267140202554	DƯƠNG BÍCH VIÊN	107888018610	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
804	DTS267140202555	HỒ ĐỨC VIỆT	100888018683	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
805	DTS267140202557	DƯƠNG THỊ THẢO VY	101888018833	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
806	DTS267140202558	LÙ THỊ XEM	106888018908	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phi truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
807	DTS267140202559	NGUYỄN THỊ KIM XUÂN	100888018983	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
808	DTS267140202560	NGUYỄN NGỌC YẾN	106888019060	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
809	DTS267140202562	DƯƠNG THỊ HẢI YẾN	106888018611	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
810	DTS267140202563	ĐÀO HẢI YẾN	109888018684	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
811	DTS267140202564	HOÀNG YẾN	104888018758	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
812	DTS267140202565	HOÀNG KIM YẾN	100888018834	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
813	DTS267140202566	NGUYỄN HOÀNG YẾN	105888018909	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
814	DTS267140202567	NGUYỄN HOÀNG YẾN	109888018984	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
815	DTS267140202568	NGUYỄN HOÀNG PHI YẾN	105888019061	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
816	DTS267140202569	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	108888018536	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
817	DTS267140202570	PHẠN THỊ HẢI YẾN	105888018612	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
818	DTS267140202571	VƯƠNG NGỌC THÚY	107888334139	Giáo dục Tiểu học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
819	DTS267140202572	Nguyễn Việt Thái		Giáo dục Tiểu học	2.000.000	0	0			215.000	1.785.000
820	DTS267140202573	Lộc Xuân Đăng		Giáo dục Tiểu học	2.000.000	0	0			215.000	1.785.000
821	DTS267140206001	ĐÀO DUY AN	100888020425	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
822	DTS267140206002	ĐÀM QUANG ANH	107888020494	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
823	DTS267140206003	NGÂN TUẤN ANH	107888020428	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
824	DTS267140206004	TA TUẤN ANH	108888020493	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
825	DTS267140206005	VƯƠNG HẠ GIA ANH	108888020427	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
826	DTS267140206006	ĐÀM VI NGUYỆT ÁNH	106888020495	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
827	DTS267140206007	NGUYỄN NGỌC ÁNH	106888020429	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
828	DTS267140206008	PHÀNG A BÁNH	105888020496	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	107.500	1.322.500
829	DTS267140206009	HỒ GIA BẢO	106888020431	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
830	DTS267140206010	KHÁ CHÍ BẢO	104888020497	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
831	DTS267140206011	LƯU TRẦN GIA BẢO	107888020430	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
832	DTS267140206012	HOÀNG XUÂN BẮC	103888020498	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0		20.000	107.500	1.332.500
833	DTS267140206013	LƯƠNG VIỆT BẮC	105888020432	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
834	DTS267140206014	HOÀNG THỊ NGỌC BÍCH	104888020433	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
835	DTS267140206015	TRIỆU VIỆT CÔNG	103888020434	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
836	DTS267140206016	TRỊNH DUY CƯƠNG	102888020499	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	107.500	1.322.500
837	DTS267140206018	PHU SEO CHI	107888020500	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	107.500	1.322.500
838	DTS267140206019	ĐẶNG MINH CHIẾN	101888020436	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
839	DTS267140206020	ĐOÀN XUÂN CHÚC	106888020501	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
840	DTS267140206021	HỨA BÁO CHUNG	102888334077	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	853.875	10.000	20.000	107.500	468.625
841	DTS267140206022	HOÀNG MẠNH DŨNG	104888020503	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
842	DTS267140206023	LÝ VĂN DŨNG	100888020437	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
843	DTS267140206024	NGUYỄN MẠNH DŨNG	105888020502	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
844	DTS267140206025	ĐẶNG KHÁNH DUY	109888020438	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
845	DTS267140206026	MA KHÁNH DUY	103888020504	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
846	DTS267140206027	ĐỖ THÙY DƯƠNG	109888020441	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
847	DTS267140206028	LƯƠNG QÚY DƯƠNG	101888334078	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
848	DTS267140206029	VŨ TÙNG DƯƠNG	108888020439	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
849	DTS267140206030	TRẦN THÀNH ĐẠT	101888020506	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
850	DTS267140206031	BÙI TUẤN ĐIỆP	107888020443	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
851	DTS267140206032	NÔNG VĂN ĐỊNH	100888020507	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
852	DTS267140206033	PHẠM VĂN ĐỒNG	105888020445	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
853	DTS267140206034	NÔNG ANH ĐỨC	109888020508	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
854	DTS267140206035	LÝ NGÂN HÀ	104888020446	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
855	DTS267140206036	MA THỊ NHẬT HẠ	108888020509	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
856	DTS267140206037	TRƯƠNG ĐÌNH HẢI	103888020447	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
857	DTS267140206038	ĐỒNG MINH HẢO	100888020510	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
858	DTS267140206039	HỨA THÀNH HIỀN	102888020448	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
859	DTS267140206040	BÙI VĂN HIẾU	109888020511	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	107.500	1.322.500
860	DTS267140206041	DƯƠNG CÔNG HIẾU	101888020449	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	0	107.500	1.352.500
861	DTS267140206042	HOÀNG TRUNG HIẾU	108888020512	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	107.500	1.322.500
862	DTS267140206043	NGUYỄN MINH HIẾU	103888486493	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
863	DTS267140206044	LỤC VĂN HOÀNG	105888020515	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	107.500	1.322.500
864	DTS267140206045	LƯU ANH HOÀNG	102888020450	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
865	DTS267140206046	NGUYỄN TIẾN HOÀNG	107888020513	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
866	DTS267140206048	VŨ VIỆT HOÀNG	106888020514	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
867	DTS267140206049	BÙI ĐỨC HUÂN	101888020451	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	107.500	488.625
868	DTS267140206050	BÙI TUẤN HÙNG	102888020518	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	107.500	1.322.500
869	DTS267140206051	HOÀNG PHI HÙNG	100888020452	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
870	DTS267140206052	LẦU A SƠN HÙNG	103888020517	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
871	DTS267140206053	NGUYỄN VI HÙNG	109888020453	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
872	DTS267140206054	LÊ GIA HUY	102888020520	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
873	DTS267140206056	NGUYỄN NGÔ GIA HUY	101888020519	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	853.875	10.000	20.000	107.500	468.625
874	DTS267140206057	TRẦN QUANG HUY	107888020455	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
875	DTS267140206058	MA KHÁNH HUYNH	101888020521	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	107.500	1.322.500
876	DTS267140206059	TRIỆU HOÀNG HUYNH	105888020457	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
877	DTS267140206061	LÝ TRUNG KIÊN	104888020458	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
878	DTS267140206062	NGUYỄN VĂN KIÊN	100888020522	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
879	DTS267140206063	BÙI MINH KHAI	103888020459	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
880	DTS267140206065	CAO DUY KHƯƠNG	104888020460	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
881	DTS267140206066	NGUYỄN THỊ MAI LAN	109888020523	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
882	DTS267140206067	MA THẾ LIÊM	103888020461	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
883	DTS267140206068	BÙI PHƯƠNG LINH	107888020525	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
884	DTS267140206069	CHÂU QUYÊN LINH	102888020462	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	107.500	1.322.500
885	DTS267140206070	NGUYỄN KHÁNH LINH	108888020524	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
886	DTS267140206071	NGUYỄN VĂN LINH	101888037010	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	0	107.500	1.352.500
887	DTS267140206074	LÃ ĐỨC MẠNH	106888020526	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
888	DTS267140206075	MA KHẢI MẠNH	100888020464	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
889	DTS267140206076	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	105888020527	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	0	107.500	1.352.500
890	DTS267140206077	TRIỆU TIẾN MẠNH	101888020463	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
891	DTS267140206078	NGUYỄN QUANG MINH	104888020528	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	0	107.500	1.352.500
892	DTS267140206079	NGUYỄN TUẤN MINH	108888020466	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
893	DTS267140206080	PHAN TUẤN MINH	103888020529	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
894	DTS267140206081	PHÙNG KIÊM MINH	109888020465	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
895	DTS267140206082	BÙI BẢO NAM	104888020530	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
896	DTS267140206083	ĐINH HOÀNG NAM	107888020467	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
897	DTS267140206084	HOÀNG THỊ BẢO NGÂN	103888020531	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
898	DTS267140206085	HOÀNG GIA NGUYÊN	106888020468	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
899	DTS267140206086	HOÀNG NHẬT NGUYÊN	102888020532	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	107.500	1.322.500
900	DTS267140206087	TRƯƠNG MINH NHẬT	107888020470	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
901	DTS267140206088	HỨA THỊ YẾN NHI	101888020533	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
902	DTS267140206089	MA THỊ YẾN NHI	106888020471	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
903	DTS267140206090	ĐỖ HUYỀN NHUNG	100888020534	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
904	DTS267140206091	HOÀNG VĂN PHÒNG	105888020472	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
905	DTS267140206092	HOÀNG ĐĂNG PHÚ	108888020536	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
906	DTS267140206093	BÙI MINH QUANG	104888020473	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
907	DTS267140206094	LÝ ĐỨC QUANG	107888020537	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	107.500	1.322.500
908	DTS267140206095	NGUYỄN HỒNG QUÂN	103888020474	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
909	DTS267140206096	VŨ ANH QUÂN	106888020538	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
910	DTS267140206097	LÂM THỊ QUYÊN	102888020475	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	107.500	488.625
911	DTS267140206098	LÒ THANH QUYỀN	105888020539	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	107.500	1.322.500
912	DTS267140206099	PHẠM THẾ QUYỀN	101888020476	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
913	DTS267140206100	MA NGỌC QUYỀN	107888020540	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
914	DTS267140206102	TRẦN HOÀNG SƠN	106888020541	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	107.500	1.322.500
915	DTS267140206104	TRIỆU THANH TIỀN	105888020542	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
916	DTS267140206106	SÙNG HẢI TIẾN	104888020543	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
917	DTS267140206107	HOÀNG TUẤN TÚ	108888020479	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
918	DTS267140206108	LƯƠNG THANH TÚ	103888020544	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
919	DTS267140206109	MA ANH TÚ	109888020480	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
920	DTS267140206110	NGÔ THÁI TÚ	102888020545	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
921	DTS267140206111	MÔNG VĨNH TUÂN	108888020481	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
922	DTS267140206112	HOÀNG VĂN TUẤN	100888020547	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
923	DTS2671402061 13	KHƯƠNG MINH TUẤN	107888020482	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
924	DTS2671402061 14	MA ANH TUẤN	101888020546	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	107.500	1.322.500
925	DTS2671402061 15	LÝ LỒNG TƯ	106888020483	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
926	DTS2671402061 16	THẢO	109888020548	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	0	107.500	1.352.500
927	DTS2671402061 17	VI ĐỨC THẮNG	105888020484	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
928	DTS2671402061 19	CHU DANH THÊ	104888020485	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
929	DTS2671402061 20	DƯƠNG DUY THẾ	108888020551	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
930	DTS2671402061 21	VI VĂN THIỀM	103888020486	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	107.500	1.322.500
931	DTS2671402061 22	NGUYỄN VĂN THIỆP	107888020552	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
932	DTS2671402061 23	ĐẶNG THỊ THU THUỶ	102888020487	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
933	DTS2671402061 24	NÔNG THỊ ANH THƯ	106888020553	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
934	DTS2671402061 25	NÔNG HÀ MINH TRÍ	101888020488	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
935	DTS2671402061 26	PHẠM THÀNH TRUNG	105888020554	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
936	DTS2671402061 27	TRIỆU ANH TRUNG	100888020489	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
937	DTS2671402061 28	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	103888020556	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
938	DTS2671402061 29	ĐÀO ĐỨC VIỆT	101888020490	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
939	DTS2671402061 30	LỘC VĂN VIỆT	102888020557	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
940	DTS2671402061 31	BÀN HUY VŨ	101888020558	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	0	107.500	1.352.500
941	DTS2671402061 32	NGÂN THIỆN VỸ	100888020559	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
942	DTS2671402061 33	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	100888020491	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
943	DTS2671402061 34	MA CÔNG TUẤN ANH	109888020426	Giáo dục Thể chất	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
944	DTS267810302001	LÈNG DUY ANH	100888020561	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
945	DTS267810302002	NGUYỄN HOÀNG ANH	101888020560	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
946	DTS267810302003	NGUYỄN LAN ANH	109888020562	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
947	DTS267810302005	NÔNG VĂN BIÊN	108888020563	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	853.875	0	0	107.500	498.625
948	DTS267810302006	LƯƠNG THÀNH CÔNG	107888020564	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
949	DTS267810302007	PHẠM ĐỖ QUỲNH CHI	106888020565	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
950	DTS267810302008	HOÀNG THỊ DIỄM	105888020566	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
951	DTS267810302009	ĐINH BẢO DUY	104888020567	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
952	DTS267810302010	HOÀNG HẢI DUY	103888020568	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
953	DTS267810302011	BÙI LINH ĐAN	104888020570	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
954	DTS267810302012	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	103888020571	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
955	DTS267810302013	NGUYỄN HUY ĐĂNG	102888020572	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
956	DTS267810302014	MA VIẾT ĐỨC	100888334079	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	0	107.500	1.352.500
957	DTS267810302015	TRẦN THỊ GIANG	101888020573	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
958	DTS267810302017	VI VĂN HÂN	100888020574	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
959	DTS267810302018	LỤC VĂN HỢI	109888020575	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	0	107.500	1.352.500
960	DTS267810302019	PHẠM XUÂN HÙNG	107888020577	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
961	DTS267810302020	TRẦN THẾ HÙNG	108888020576	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
962	DTS267810302022	TRIỆU VĂN HỮU	106888020578	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
963	DTS267810302023	LÒ VĂN KIÊN	105888020579	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
964	DTS267810302024	NGUYÊN HẢI LÂM	106888020580	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
965	DTS267810302025	ĐINH ĐỖ HÀ LINH	105888020581	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
966	DTS267810302027	MA XUÂN MẠNH	103888020583	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
967	DTS267810302028	NGUYỄN DUY MẠNH	102888020584	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
968	DTS267810302029	LƯƠNG NHẬT MINH	100888020586	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
969	DTS267810302030	LÝ BẢO MINH	108888020588	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
970	DTS267810302031	NGUYỄN QUANG MINH	109888020587	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
971	DTS267810302032	TRẦN QUANG MINH	101888020585	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
972	DTS267810302033	BÀN HOA MỸ	107888020589	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
973	DTS267810302034	ĐÀO THỊ KIM NGÂN	108888020590	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
974	DTS267810302035	HÀ XUÂN NGHĨA	107888020591	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	853.875	0	0	107.500	498.625
975	DTS267810302036	HOÀNG BÌNH NGUYÊN	106888020592	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
976	DTS267810302037	ĐỖ CHÍ PHONG	105888020593	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
977	DTS267810302038	HOÀNG NGỌC PHÚC	104888020594	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
978	DTS267810302039	PHẠM MẠNH QUANG	103888020595	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	0	107.500	1.352.500
979	DTS267810302040	LÒ VĂN QUÂN	102888020596	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	107.500	488.625
980	DTS267810302041	HOÀNG NHẬT TÂN	101888020597	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
981	DTS267810302043	NGUYỄN THANH THẢO	100888020598	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
982	DTS267810302044	LÝ CHIẾN THẮNG	109888020599	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
983	DTS267810302045	ĐỖ KHÁNH TIẾN THỊNH	104888020600	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
984	DTS267810302046	PHẠM DIỆU THÚY	102888020602	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
985	DTS267810302047	LÝ HOÀNG ANH THƯ	101888334080	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	853.875	0	0	107.500	498.625
986	DTS267810302048	THƯƠNG	101888020603	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
987	DTS267810302049	TRẦN MY TRANG	100888020604	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
988	DTS267810302050	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	109888020605	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
989	DTS267810302051	BÙI ANH VĂN	107888020607	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
990	DTS267810302052	LUÂN QUỐC VIỆT	106888020608	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
991	DTS267810302053	LƯƠNG THỊ HOÀI VIN	100888334081	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
992	DTS267810302054	LY SEO XÌNH	105888020609	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
993	DTS267810302055	HOÀNG THỊ NHƯ Ý	107888020610	Huấn luyện thể thao	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
994	DTS267220201001	LÂM PHƯƠNG ANH	108888019345	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
995	DTS267220201004	TRẦN TRÚC ANH	104888019349	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
996	DTS267220201005	TRỊNH TUẤN ANH	105888019348	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
997	DTS267220201006	VŨ THỊ TÂM ANH	106888019347	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
998	DTS267220201007	ĐẶNG NGỌC ÁNH	105888019350	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
999	DTS267220201008	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	104888019351	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1000	DTS267220201009	VŨ NGỌC ÁNH	103888019352	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1001	DTS267220201010	VŨ NGỌC BÍCH	102888019353	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
1002	DTS267220201011	LÊ THÙY CHI	101888019354	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1003	DTS267220201012	CHI	109888019356	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1004	DTS267220201013	PHẠM QUỲNH CHI	100888019355	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1005	DTS267220201014	NGUYỄN ANH DŨNG	108888019357	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1006	DTS267220201015	MẠCH THÙY DƯƠNG	107888019358	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1007	DTS267220201016	NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	106888019359	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1008	DTS267220201017	ĐINH HÀ HẢI ĐĂNG	107888019360	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1009	DTS267220201018	NGUYỄN VĂN ĐỨC	106888019361	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1010	DTS267220201019	HÀ THỊ HẢI	105888019362	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1011	DTS267220201020	NGÔ THU HẰNG	104888019363	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1012	DTS267220201021	HOA	103888019364	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1013	DTS267220201022	BÙI ĐÀO THƯƠNG HUYỀN	101888019366	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1014	DTS267220201023	LÔ THANH HUYỀN	102888019365	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1015	DTS267220201024	HOÀNG DUY HƯNG	100888019367	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1016	DTS267220201025	NGUYỄN THỊ KHUÊ	108888019369	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1017	DTS267220201026	ĐÀO TIẾN LÂM	100888019370	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
1018	DTS267220201027	ĐÀO MAI LINH	107888019373	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1019	DTS267220201028	NGUYỄN GIA LINH	108888019372	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1020	DTS267220201029	NGUYỄN THÙY LINH	106888019374	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1021	DTS267220201030	LINH	109888019371	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
1022	DTS267220201031	TRẦN GIA LINH	105888019375	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1023	DTS267220201032	PHẠM NGỌC MAI	104888019376	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1024	DTS267220201033	TRƯƠNG NGỌC MINH	103888032410	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1025	DTS267220201034	TRỊNH THÚY NGA	102888019378	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1026	DTS267220201036	LÝ HÀ NHI	101888019379	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1027	DTS267220201037	NGUYỄN HẢI HÀ NHI	102888019380	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1028	DTS267220201038	BÙI PHƯƠNG OANH	100888019382	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1029	DTS267220201039	BÙI MAI PHƯƠNG	109888019383	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	0	215.000	391.125
1030	DTS267220201040	LÊ LAN PHƯƠNG	104888334062	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1031	DTS267220201041	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	108888019384	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
1032	DTS267220201042	HÀ PHAN ANH TUẤN	107888019385	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1033	DTS267220201043	HOÀNG ANH THÁI	105888019387	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	0	215.000	391.125
1034	DTS267220201044	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	104888019390	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1035	DTS267220201045	HOÀNG THỊ THANH THẢO	102888019392	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1036	DTS267220201046	NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO	103888019391	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1037	DTS267220201047	VI PHƯƠNG THẢO	104888019388	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1038	DTS267220201048	CẦM PHƯƠNG THU	100888019394	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1039	DTS267220201049	LÊ THỊ ANH THU	103888334063	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1040	DTS267220201050	ĐINH THỊ PHƯƠNG THÙY	108888019396	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1041	DTS267220201051	NGUYỄN THÁI THÙY	109888019395	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1042	DTS267220201052	ĐÀO ANH THƯ	107888019397	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1043	DTS267220201053	HOÀNG ANH THƯ	106888019398	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1044	DTS267220201054	NGUYỄN PHƯƠNG THƯ	105888019399	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1045	DTS267220201055	PHẠM HƯƠNG TRÀ	109888019400	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
1046	DTS267220201056	CHU HIỀN TRANG	108888019401	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1047	DTS267220201057	DƯƠNG THỊ THÙY TRANG	107888019402	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1048	DTS267220201058	HÀ THÙY TRANG	102888334064	Ngôn ngữ Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1049	DTS267420203003	MA THỊ HẠNH	102888019747	Sinh học ứng dụng	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1050	DTS267420203005	TRIỆU MẠNH HÙNG	101888019748	Sinh học ứng dụng	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1051	DTS267420203007	NGÔ DIỆU LINH	102888158104	Sinh học ứng dụng	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1052	DTS267420203008	DƯƠNG THU MINH	100888019749	Sinh học ứng dụng	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1053	DTS267420203010	TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	101888019750	Sinh học ứng dụng	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1054	DTS267420203011	GIÀNG THỊ SU	100888334066	Sinh học ứng dụng	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1055	DTS267420203012	MA THANH TÙNG	100888019751	Sinh học ứng dụng	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1056	DTS267420203013	HOÀNG THU TRANG	109888019752	Sinh học ứng dụng	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1057	DTS267140221001	VŨ PHƯƠNG AN	104888019062	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
1058	DTS267140221002	HÀ HOÀI ANH	100888019109	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1059	DTS267140221003	LÊ HOÀNG ANH	102888019064	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1060	DTS267140221004	MÔNG TRÚC ANH	103888019063	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1061	DTS267140221005	NGUYỄN HẢI ANH	109888019067	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1062	DTS267140221006	ANH	102888019107	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1063	DTS267140221007	PHẠM TUYẾT ANH	101888019065	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1064	DTS267140221008	QUAN THỊ LAN ANH	101888019108	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
1065	DTS267140221009	BẢO	108888019068	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
1066	DTS267140221010	NGUYỄN THÁI BẢO	102888019110	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1067	DTS267140221011	LÊ MAI BẢO CHÂM	107888019069	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1068	DTS267140221012	DƯƠNG HUỆ CHI	100888019112	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1069	DTS267140221013	VÀ A DA	109888019070	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	107.500	1.322.500
1070	DTS267140221014	NGUYỄN ĐĂNG DŨNG	109888019113	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1071	DTS267140221015	ĐÀO MỸ DUYÊN	108888019071	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1072	DTS267140221016	MA THÙY DƯƠNG	108888019114	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1073	DTS267140221017	NGUYỄN THỊ MAI DƯƠNG	107888019072	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1074	DTS267140221018	ĐINH KIM ĐAN	105888034840	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1075	DTS267140221019	HOÀNG QUỐC ĐẠT	106888019073	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
1076	DTS267140221020	BÙI ANH ĐỨC	107888019115	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
1077	DTS267140221021	PHAN ANH ĐỨC	105888019074	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1078	DTS267140221022	LÒ THỊ NGỌC HÀ	106888019116	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1079	DTS267140221023	NGUYỄN THÚY HOÀI	103888019076	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
1080	DTS267140221024	LÃ THỊ HUYÊN	104888019118	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1081	DTS267140221025	NGUYỄN THU HUYỀN	102888019077	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1082	DTS267140221026	NGUYỄN THU HUYỀN	105888019117	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1083	DTS267140221027	HOÀNG DUY KIÊN	101888019078	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1084	DTS267140221028	LÊ CAO KHẢI	104888019120	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1085	DTS267140221029	TRỌNG MINH KHÔI	100888019079	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
1086	DTS267140221030	NÔNG NGUYỄN TÚ LAN	103888019121	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
1087	DTS267140221031	PỜ NHẬT LỆ	101888019080	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
1088	DTS267140221032	HOÀNG LINH	102888019122	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1089	DTS267140221033	HOÀNG HÀ LINH	109879897441	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
1090	DTS267140221034	LÒ THỊ THUỲ LINH	101888019123	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
1091	DTS267140221035	NGUYỄN HÀ LINH	100888019081	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1092	DTS267140221036	VŨ NHẬT LINH	106888035918	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1093	DTS267140221037	ĐỖ THÀNH LONG	108888019083	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1094	DTS267140221038	VŨ TRẦN KHÁNH LY	100888019124	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1095	DTS267140221039	LÝ MINH MINH	107888019084	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
1096	DTS267140221040	ĐÀM HÀ MY	109888019125	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	107.500	1.322.500

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Sổ ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1097	DTS267140221041	LƯU TRANG MY	105888019086	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1098	DTS267140221042	TRẦN HÀ MY	108888019126	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1099	DTS267140221043	TRƯƠNG HOÀNG TRÀ MY	106888019085	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1100	DTS267140221044	VÀNG THỊ NÀN	107888019127	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1101	DTS267140221045	NÙNG THỊ NGA	104888019087	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1102	DTS267140221047	HOÀNG NHƯ NGỌC	105888019129	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1103	DTS267140221048	NGUYỄN VŨ BẢO NGỌC	106888019128	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1104	DTS267140221049	PHẠM THỊ NGỌC	102888019089	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
1105	DTS267140221050	BÀN THẢO NGUYÊN	106888019130	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1106	DTS267140221051	ĐỖ THỊ BÌNH NGUYÊN	102888019091	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1107	DTS267140221052	NGUYỄN QUỲNH NHI	101888035797	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	107.500	488.625
1108	DTS267140221053	THÂN YẾN NHI	100888019093	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
1109	DTS267140221054	NÔNG THỊ HỒNG NHIÊN	105888019131	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
1110	DTS267140221055	NÔNG THỊ QUỲNH NHƯ	109888019094	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
1111	DTS267140221056	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	103888019133	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1112	DTS267140221057	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	107888019096	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
1113	DTS267140221058	PHẠM VŨ BẢO PHƯƠNG	104888019132	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1114	DTS267140221059	PHẠM VŨ HÀ PHƯƠNG	108888019095	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
1115	DTS267140221060	VÀNG THỊ SÚA	102888019134	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
1116	DTS267140221061	NGUYỄN NGỌC TÀI	106888019097	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	107.500	488.625
1117	DTS267140221062	TÂM	101888019135	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1118	DTS267140221063	LÊ ĐÌNH TOÀN	108888035943	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
1119	DTS267140221064	DƯƠNG TUẤN TÚ	100888019136	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
1120	DTS267140221065	NGUYỄN DUYÊN TÙNG	105888019098	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1121	DTS267140221066	BÙI THỊ PHƯƠNG THANH	109888019137	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
1122	DTS267140221067	MÙA A THÀNH	104888019099	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1123	DTS267140221068	LỤC PHƯƠNG THẢO	107888019139	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1124	DTS267140221069	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	109888019100	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
1125	DTS267140221070	VI THỊ PHƯƠNG THẢO	108888019138	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1126	DTS267140221071	HÀ NHẬT THIỀN	108888019101	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1127	DTS267140221072	THỦY	109888019140	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
1128	DTS267140221073	LÝ THỊ ANH THƯ	107888019102	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1129	DTS267140221074	TRẦN NGỌC HIỀN THƯ	108888019141	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
1130	DTS267140221075	THƯƠNG	106888019103	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
1131	DTS267140221076	HỨA BẢO THY	107888019142	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
1132	DTS267140221077	HOÀNG THUỲ TRANG	105888019104	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
1133	DTS267140221078	NGUYỄN CẨM TRÚC	105888019144	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1134	DTS267140221079	NGUYỄN HOÀNG TRƯỜNG	104888019105	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
1135	DTS267140221080	CẦM LƯƠNG TRUNG VIỆT	104888019145	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	107.500	488.625
1136	DTS267140221081	LÂM HẢI YẾN	103888019106	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
1137	DTS267140221082	NGUYỄN BẢO YẾN	103888019146	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	0	20.000	107.500	1.332.500
1138	DTS267140221083	HOÀNG THỊ HẰNG	104888019075	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	0	10.000	0	107.500	1.342.500
1139	DTS267140221084	NGUYỄN VŨ CẨM TÚ	104888334132	Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
1140	DTS267140221085	NÔNG MẠNH CƯỜNG		Sư phạm Âm nhạc	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	107.500	478.625
1141	DTS267140219001	TRỊNH HOÀNG ANH	108888017974	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	853.875	0	0	215.000	391.125
1142	DTS267140219002	VÀNG HẢI ANH	105888018035	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
1143	DTS267140219003	NGUYỄN DIỆP ÁNH	107888017975	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1144	DTS267140219004	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	104888018036	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1145	DTS267140219005	HÀ THỊ NGỌC BÍCH	106888017976	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1146	DTS267140219006	LÝ THỊ NGỌC BÍCH	103888018037	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1147	DTS267140219007	NGUYỄN NGỌC BÍCH	105888017977	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1148	DTS267140219008	LONG THÚY BIỀU	102888018038	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1149	DTS267140219009	BÙI THANH BÌNH	104888017978	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1150	DTS267140219010	VI VĂN CAO	101888018039	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1151	DTS267140219011	MÔNG VĂN CẦU	104888017980	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1152	DTS267140219012	NÙNG A CƯỜNG	103888018040	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1153	DTS267140219013	NGUYỄN THỊ BẢO CHÂM	103888017981	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1154	DTS267140219014	HÀ LINH CHI	101888018042	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1155	DTS267140219015	LINH QUỲNH CHI	102888017982	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1156	DTS267140219016	TRIỆU KHÁNH CHI	102888018041	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1157	DTS267140219017	NGUYỄN HOÀNG CHƯƠNG	101888017983	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1158	DTS267140219019	NGUYỄN NGỌC DIỆP	100888017984	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1159	DTS267140219020	NGUYỄN CHÍ DŨNG	100888018043	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1160	DTS267140219021	NGUYỄN VĂN DŨNG	109888017985	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1161	DTS267140219022	HOÀNG NGỌC DUY	106888334046	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1162	DTS267140219023	LÝ THỊ KHÁNH DUYÊN	108888017986	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1163	DTS267140219024	HOÀNG THÙY DƯƠNG	109888018044	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1164	DTS267140219025	LÊ VĂN DƯƠNG	107888017987	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1165	DTS267140219026	HÀ TIẾN ĐẠT	108888018045	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1166	DTS267140219027	ĐẶNG VĂN ĐỒNG	106888017988	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1167	DTS267140219028	LÊ MINH ĐỨC	107888018046	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1168	DTS267140219029	GIÀNG VIỆT HÀ	105888017989	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1169	DTS267140219030	HOÀNG THU HÀ	105888018048	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1170	DTS267140219031	LÝ VĂN HÀ	106888017990	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1171	DTS267140219032	NGUYỄN NGỌC HÀ	106888018047	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1172	DTS267140219033	ĐÀO ĐỨC HẢI	105888017991	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1173	DTS267140219034	PHẠM THỊ THU HẰNG	104888018049	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1174	DTS267140219035	HOÀNG NGỌC HOA	104888017992	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1175	DTS267140219036	LƯƠNG PHƯƠNG HOA	105888018050	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1176	DTS267140219037	TRIỆU THU HOÀI	103888017993	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1177	DTS267140219038	GIÀNG THỊ KIM HỒNG	104888018051	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1178	DTS267140219039	CHU THỊ BÍCH HỢP	102888017994	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1179	DTS267140219040	ĐẶNG THỊ NHUNG HUYÊN	103888018052	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1180	DTS267140219041	HUYÊN	101888017995	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1181	DTS267140219042	VI PHƯƠNG HUYỀN	102888018053	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1182	DTS267140219043	ĐINH THỊ HƯƠNG	100888017996	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1183	DTS267140219044	NGUYỄN HOÀNG HƯƠNG	101888018054	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1184	DTS267140219045	NGUYỄN LAN HƯƠNG	108888017998	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1185	DTS267140219046	HƯƠNG	100888018055	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1186	DTS267140219047	ĐỒNG PHÚC KHÁNH	102888018001	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1187	DTS267140219048	LƯU DUY KHOA	109888018056	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1188	DTS267140219049	TRẦN THỊ MAI LAN	101888018002	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1189	DTS267140219050	TÔNG THỊ BĂNG LĂNG	108888018057	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1190	DTS267140219051	HÀ HẢI LÊ	106888498821	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1191	DTS267140219052	HÀ NHẬT LỆ	107888018058	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1192	DTS267140219053	TRƯƠNG THỊ BÍCH LỆ	100888018003	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1193	DTS267140219054	CHÁO THỊ LIÊN	106888018059	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1194	DTS267140219055	CHU THỊ KHÁNH LINH	108888018005	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1195	DTS267140219056	HUYÊN THỊ THÙY LINH	106888018061	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1196	DTS267140219057	NÔNG THỊ THÙY LINH	109888018004	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1197	DTS267140219058	NGUYỄN THỊ HOÀI LINH	107888018060	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1198	DTS267140219059	BÙI TRỌNG LƯƠNG	107888018006	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1199	DTS267140219060	ĐẶNG THỊ LY	105888018062	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1200	DTS267140219061	TRẦN THỊ MINH LÝ	108888334044	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1201	DTS267140219062	HÀ THỊ TUYẾT MAI	104888018063	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1202	DTS267140219064	NÔNG VĂN MẠNH	103888018064	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1203	DTS267140219065	VŨ THỊ MÁY	104888018009	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1204	DTS267140219066	TẨN TÀ MÁY	102888018065	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1205	DTS267140219067	HỒ MẠNH NAM	106888018010	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1206	DTS267140219069	MAI THỊ THU NGA	105888018011	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1207	DTS267140219070	MA THỊ NGỌC	100888018067	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1208	DTS267140219071	ĐINH TIẾN NGUYÊN	107888334045	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1209	DTS267140219072	NGUYỆN	109888018068	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1210	DTS267140219073	LÊ NÔNG HỒNG PHÁT	104888018012	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1211	DTS267140219074	HOÀNG MINH PHƯƠNG	108888018069	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1212	DTS267140219075	HOÀNG TIỂU PHƯƠNG	103888018013	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1213	DTS267140219076	NGUYỄN VĂN QUÝ	100888018070	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1214	DTS267140219077	HOÀNG THỊ QUYÊN	102888018014	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1215	DTS267140219078	NÔNG LÊ NHẬT QUYÊN	109888018071	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1216	DTS267140219079	NGUYỄN THỊ QUYÊN	101888018015	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1217	DTS267140219080	THÂN THỊ DIỄM QUỲNH	108888018072	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1218	DTS267140219081	BÙI VĂN TÀI	100888018016	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1219	DTS267140219082	TRIỆU HỮU TOÀN	106888018074	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1220	DTS267140219083	BÙI NGỌC TÚ	109888018017	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1221	DTS267140219084	CHẢNG XUÂN TUẤN	105888018075	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1222	DTS267140219085	MA THANH TÙNG	107888018019	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1223	DTS267140219086	TRIỆU THỊ TUYẾN	104888018076	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1224	DTS267140219087	TY HOÀNG TUYẾN	108888018020	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1225	DTS267140219088	TRIỆU YÊN TỰ	103888018077	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1226	DTS267140219089	DƯƠNG THƠM THẢO	107888018021	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1227	DTS267140219090	ĐOÀN PHƯƠNG THẢO	102888018078	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1228	DTS267140219092	BÙI ĐỨC THIỆN	101888018079	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1229	DTS267140219094	HÀ DIỆP BÍCH THỦY	101888018081	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1230	DTS267140219095	SẦM THỊ THỦY	105888018023	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1231	DTS267140219096	NGÔ HOÀNG THỦY	100888018082	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1232	DTS267140219097	BÙI THỊ MINH THƯ	104888018024	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1233	DTS267140219098	NGUYỄN MINH THƯ	108888018084	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1234	DTS267140219099	THÀO THỊ ANH THƯ	103888018025	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1235	DTS267140219100	LÝ HOÀI THƯƠNG	106888018086	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1236	DTS267140219101	SẦM THỊ THƯƠNG	102888018026	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1237	DTS267140219102	TRẦN THỊ NHẬT THƯƠNG	107888018085	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1238	DTS267140219103	BÙI THU TRANG	100888018028	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1239	DTS267140219104	HOÀNG PHƯƠNG TRANG	104888018088	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1240	DTS267140219106	MA THỊ QUỲNH TRANG	105888018087	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1241	DTS267140219107	NGÔ THÙY TRANG	101888018027	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1242	DTS267140219108	TÔN THỊ KIỀU TRANG	103888018089	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1243	DTS267140219109	TRẦN THU TRANG	109888018029	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1244	DTS267140219110	LÊ THANH TRÚC	103888018091	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1245	DTS267140219111	LÊ THỊ HỒNG VÂN	100888018030	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1246	DTS267140219112	TRẦN NGỌC KHÁNH VÂN	102888018092	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1247	DTS267140219113	NGÔ LINH KHÁNH VI	109888018031	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1248	DTS267140219115	HOÀNG TRUNG VĨNH	108888018032	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1249	DTS267140219116	VÌ HẠ VY	100888018094	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1250	DTS267140219117	TRIỆU THỊ XUÂN	107888018033	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1251	DTS267140219118	HỨA THỊ YẾN	109888018095	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1252	DTS267140219119	NÔNG HẢI YẾN	106888018034	Sư phạm Địa lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1253	DTS267140212001	NGUYỄN HÀ ANH	102888019147	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1254	DTS267140212002	NGUYỄN HOÀNG ANH	104888019196	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1255	DTS267140212003	NGUYỄN MAI ANH	101888019148	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1256	DTS267140212004	BÙI LÊ HỮU BÌNH	103888019197	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1257	DTS267140212005	LÊ THỊ CHI	100888019149	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1258	DTS267140212007	NGUYỄN THÙY DUNG	101888019150	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1259	DTS267140212008	LÊ TIẾN DŨNG	102888019198	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1260	DTS267140212009	HÀ THỊ THU DUYÊN	100888019151	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1261	DTS267140212010	LÊ LAN DƯƠNG	101888019199	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1262	DTS267140212011	NÔNG VĂN ĐẠT	109888019152	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1263	DTS267140212012	VŨ NGỌC ĐĂNG	106888019200	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1264	DTS267140212013	LA VĂN ĐOÀN	108888019153	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1265	DTS267140212014	LÝ TRUNG ĐƯỜNG	105888019201	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1266	DTS267140212015	BÙI THỊ HƯƠNG GIANG	106888019155	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1267	DTS267140212016	HOÀNG THỊ THU GIANG	104888019202	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1268	DTS267140212017	GIANG	107888019154	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1269	DTS267140212018	NÔNG LÊ HÀ	103888019203	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1270	DTS267140212019	NGHIÊM THÚY HÀ	104888019157	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo sổ tạm trú	Sổ ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1271	DTS267140212020	NGUYỄN NHẬT HÀ	102888019204	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1272	DTS267140212021	NGUYỄN TRẦN THU HÀ	105888019156	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1273	DTS267140212022	MA THU HẢI	101888019205	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1274	DTS267140212023	CUNG THỊ HẢN	103888019158	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1275	DTS267140212024	DƯ THỊ HIỀN	100888019206	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1276	DTS267140212025	ĐÀO KHẮC MINH HIẾU	102888019159	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1277	DTS267140212026	MA THỊ HOA	109888019207	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1278	DTS267140212027	LA THỊ THU HOÀI	103888019160	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1279	DTS267140212028	PHẠM THỊ HOÀI	108888019208	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1280	DTS267140212029	QUAN THỊ HOÀI	102888019161	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1281	DTS267140212031	PHAN ĐỨC HOÀNG	101888019162	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1282	DTS267140212032	HỨA THỊ HẢI HUỆ	107888019209	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1283	DTS267140212033	TRƯƠNG CAO BẢO KHANH	100888019163	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1284	DTS267140212034	PHẠM VƯƠNG KHÁNH	109888019210	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1285	DTS267140212035	TRẦN NGỌC KHÁNH	109888019164	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1286	DTS267140212036	DƯƠNG MẠNH KHUÊ	108888019211	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1287	DTS267140212037	MA THÁI LIÊN	108888019165	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1288	DTS267140212038	NGÔ THỊ LIÊN	107888019212	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1289	DTS267140212039	DƯƠNG THUỲ LINH	106888019170	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1290	DTS267140212040	NÔNG DIỆU LINH	104888019215	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1291	DTS267140212041	NÔNG THỊ THÙY LINH	107888019166	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1292	DTS267140212042	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	105888019214	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1293	DTS267140212043	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	104888019169	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1294	DTS267140212044	PHÙNG NGỌC LINH	103888019216	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1295	DTS267140212045	TRẦN KHÁNH LINH	105888019168	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1296	DTS267140212046	TRIỆU THÙY LINH	106888019213	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1297	DTS267140212047	VŨ HÀ LINH	106888019167	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1298	DTS267140212048	CÙNG TRẦN LỢI	102888019217	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1299	DTS267140212049	HOÀNG THỊ KHÁNH LY	105888019171	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1300	DTS267140212050	NGUYỄN THẢO LY	101888019218	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1301	DTS267140212051	CAO ĐỨC MINH	104888019172	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1302	DTS267140212052	LÊ NGỌC MINH	100888019219	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1303	DTS267140212053	LƯƠNG NGỌC NGA	102888019174	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1304	DTS267140212054	TRẦN THÚY NGÂN	101888019220	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1305	DTS267140212055	LÊ BẢO NGỌC	100888019176	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1306	DTS267140212056	NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC	100888019221	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1307	DTS267140212057	PHÙNG THỊ NGỌC	101888019175	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1308	DTS267140212058	NGUYỄN BÌNH NGUYÊN	108888019223	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1309	DTS267140212059	ĐỖ MINH NHẬT	108888019178	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1310	DTS267140212060	NÔNG YẾN NHI	107888019224	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1311	DTS267140212061	TRỊNH NGỌC NHI	107888019179	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1312	DTS267140212064	VI TÔ NHƯ	105888019226	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1313	DTS267140212065	ĐẶNG MAI PHƯƠNG	107888019181	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1314	DTS267140212066	PHẠM MINH PHƯƠNG	104888019227	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1315	DTS267140212067	HOÀNG LỆ QUYÊN	103888035592	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1316	DTS267140212068	HOÀNG VĂN QUYÊN	103888019228	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1317	DTS267140212069	THÀO A SINH	106888019182	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1318	DTS267140212070	BẠCH ĐÌNH TÀI	103888019230	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1319	DTS267140212071	LƯƠNG THỊ MINH TÂM	105888019183	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1320	DTS267140212073	NGUYỄN MẠNH TUẤN	103888019185	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1321	DTS267140212074	ĐÀO MINH TÙNG	102888019231	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1322	DTS267140212075	LA THỊ TUYÊN	102888019186	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1323	DTS267140212076	NGUYỄN MINH THÁI	101888019232	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1324	DTS267140212077	TRẦN ANH THÁI	101888019187	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1325	DTS267140212078	HOÀNG THANH THẢO	100888019233	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1326	DTS267140212079	TA PHƯƠNG THẢO	100888019188	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1327	DTS267140212080	TRIỆU XUÂN THỊNH	109888019234	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1328	DTS267140212081	TRẦN THỊ THUỶ	109888019189	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Sổ ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1329	DTS267140212082	NGUYỄN THU THỦY	108888019235	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1330	DTS267140212083	PHẠM BÍCH THỦY	100888019190	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1331	DTS267140212084	TRẦN THỊ THỦY	107888019236	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1332	DTS267140212085	LẠI PHƯƠNG THÚY	108888019192	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1333	DTS267140212086	ĐINH THỊ MAI THƯ	106888019237	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1334	DTS267140212087	VŨ THỊ MINH THƯ	107888019193	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1335	DTS267140212088	TRÂM	105888019238	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1336	DTS267140212089	LÊ THÀNH TRUNG	106888019194	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1337	DTS267140212090	LÊ THỊ VÂN	104888019239	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1338	DTS267140212091	VŨ QUỐC VIỆT	105888019195	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1339	DTS267140212092	KHỔNG ANH VŨ	106888019240	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1340	DTS267140212093	MA LÊ VY	106888334060	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1341	DTS267140212094	NGUYỄN HOÀNG YẾN	105888019241	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1342	DTS267140212095	VƯƠNG BÌNH MINH	102885880943	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1343	DTS267140212096	NGUYỄN THẢO NGUYÊN	109888019177	Sư phạm Hoá học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1344	DTS267140247001	NÔNG VIỆT ANH	108888019753	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1345	DTS267140247002	ANH	109888019807	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1346	DTS267140247003	PHẠM LAN ANH	107888019754	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1347	DTS267140247004	PHẠM QUỲNH ANH	109888019810	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1348	DTS267140247005	TẠ THỊ HOÀNG ANH	109888334067	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1349	DTS267140247006	VŨ MỸ ANH	107888019809	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1350	DTS267140247007	DƯƠNG HỒNG ÁNH	106888019755	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1351	DTS267140247008	NÔNG NGỌC ÁNH	108888019811	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1352	DTS267140247011	GIÁ THỊ YẾN BÍCH	105888019756	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1353	DTS267140247012	DƯƠNG THANH BÌNH	106888019813	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1354	DTS267140247013	LÊ ĐỨC BÌNH	104888019757	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1355	DTS267140247014	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	101888035582	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1356	DTS267140247015	CƯỜNG	103888019758	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1357	DTS267140247016	MÃ NGỌC DIỆP	105888019814	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1358	DTS267140247017	NGUYỄN THỊ DIỆU	102888019759	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1359	DTS267140247018	MẠCH THỊ DUYÊN	104888019815	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1360	DTS267140247019	BÙI THÙY DƯƠNG	103888019760	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1361	DTS267140247020	NGUYỄN HÀ DƯƠNG	103888019816	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1362	DTS267140247021	HÁN TRỌNG ĐIỀN	102888019761	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1363	DTS267140247022	CHU SỞ ĐỒ	102888019817	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1364	DTS267140247023	ĐÀO TRỌNG ĐỨC	101888019762	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1365	DTS267140247024	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	101888019818	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1366	DTS267140247025	NGUYỄN VĂN ĐỨC	100888019763	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1367	DTS267140247026	LÊ HƯƠNG GIANG	100888019819	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1368	DTS267140247027	NGUYỄN NGỌC HÀ	108888019765	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1369	DTS267140247028	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	100888019821	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1370	DTS267140247029	TRẦN THỊ BẢO HÀ	109888019764	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1371	DTS267140247030	TẠ QUANG HẢI	109888019822	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1372	DTS267140247031	LA ĐÌNH HẠO	107888019766	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1373	DTS267140247032	BÙI THỊ THANH HẰNG	108888019823	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1374	DTS267140247033	NGUYỄN THUÝ HẰNG	106888019767	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1375	DTS267140247034	LẰNG BẢO HÂN	105888019826	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1376	DTS267140247035	NÔNG ĐỨC HÂN	105888019768	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1377	DTS267140247036	NGUYỄN THỊ HÂN	106888019825	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1378	DTS267140247037	TRẦN QUANG HIỂN	104888019769	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1379	DTS267140247038	TẠ HOÀNG HIỆP	104888019827	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1380	DTS267140247040	HOÀNG XUÂN HINH	103888019828	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1381	DTS267140247041	NGUYỄN MAI HOA	105888019771	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1382	DTS267140247042	PHAN VĂN HÒA	102888019829	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1383	DTS267140247043	PHẠM THỊ HUỆ	104888019772	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1384	DTS267140247044	MAI MẠNH HÙNG	102888019831	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1385	DTS267140247045	NGUYỄN MẠNH HÙNG	103888019773	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1386	DTS267140247046	PHÙNG TUẤN HÙNG	103888019830	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1387	DTS267140247047	THÂN QUỐC HÙNG	102888019774	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1388	DTS267140247048	NGUYỄN THỊ DIỄM HUYỀN	101888019832	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1389	DTS267140247049	HUYỀN	101888019775	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1390	DTS267140247050	LƯỜNG THỊ HƯƠNG	100888019833	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1391	DTS267140247051	TRẦN THỊ LAN HƯƠNG	100888019776	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1392	DTS267140247052	ĐẶNG VĂN KIÊN	109888019834	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1393	DTS267140247053	NGUYỄN VĂN KIÊN	108888019778	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1394	DTS267140247054	TRẦN TRUNG KIÊN	108888019835	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1395	DTS267140247055	LƯU THỊ THIÊN KIM	108888019780	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1396	DTS267140247056	ĐINH TIẾN KHƯƠNG	107888019836	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1397	DTS267140247057	MA NGỌC LAN	107888019781	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1398	DTS267140247058	NGUYỄN PHƯƠNG LAN	106888019837	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1399	DTS267140247059	DƯƠNG LỄ	106888019782	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1400	DTS267140247060	MAI NGỌC LINH	105888019838	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1401	DTS267140247061	NGUYỄN THÙY LINH	105888019783	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1402	DTS267140247062	PHẠM VĂN LONG	104888019839	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1403	DTS267140247063	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	104888019784	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1404	DTS267140247064	TRẦN THỊ TRÀ MY	106888019840	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1405	DTS267140247065	HOÀNG THỊ KIM NGÂN	102888019786	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1406	DTS267140247066	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	105888019841	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1407	DTS267140247067	TRẦN THẢO NGÂN	103888019785	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1408	DTS267140247068	TRẦN ĐỨC NGHĨA	104888019842	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1409	DTS267140247069	NGUYỄN BẢO NGỌC	101888019787	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1410	DTS267140247070	NGUYỄN BÁ AN NGUYÊN	103888019843	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1411	DTS267140247071	TAO THỊ TRANG NGUYÊN	100888019788	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1412	DTS267140247072	TRẦN THỊ MINH NHẬN	102888019844	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1413	DTS267140247073	ĐỖ THỊ KHÁNH NHI	109888019789	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1414	DTS267140247074	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	101888019845	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1415	DTS267140247075	PHẠM HOÀNG PHƯƠNG	100888019790	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1416	DTS267140247076	PHẠM MINH PHƯƠNG	100888019846	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1417	DTS267140247077	NGUYỄN BÍCH PHƯỢNG	109888019791	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1418	DTS267140247078	HOÀNG MINH QUÂN	109888019847	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1419	DTS267140247079	TRỊNH THỊ THU QUYÊN	108888019792	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1420	DTS267140247080	LÊ TRÚC QUỲNH	108888019848	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1421	DTS267140247081	DƯƠNG THỊ SAO	107888019793	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1422	DTS267140247082	NGUYỄN TUẤN SƠN	107888019849	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1423	DTS267140247083	BÙI THỊ THÚY TẶNG	106888019794	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1424	DTS267140247084	NGUYỄN THANH TÂN	108888019850	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1425	DTS267140247085	DƯƠNG XUÂN TIẾN	104888019796	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1426	DTS267140247086	BÙI ĐỨC TOÀN	108888334068	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1427	DTS267140247087	LĂNG ANH TÚ	102888019798	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1428	DTS267140247088	TRẦN ANH TÚ	107888019851	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1429	DTS267140247089	TRẦN HUY TUẤN	101888019799	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1430	DTS267140247090	CHU VĨNH TUYỀN	107888334069	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1431	DTS267140247091	NGUYỄN THỊ THẢO	106888019800	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1432	DTS267140247092	NGUYỄN THỊ THẢO	106888019852	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1433	DTS267140247093	THẢO	105888019801	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1434	DTS267140247094	LƯỜNG ANH THƠ	105888019853	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1435	DTS267140247095	BÙI MINH THUẬN	104888019802	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1436	DTS267140247096	NGUYỄN PHƯƠNG THUỶ	103888019855	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1437	DTS267140247097	HÀ ANH THƯ	103888019803	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1438	DTS267140247098	TRANG	102888019856	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1439	DTS267140247099	PHẠM QUỲNH TRANG	102888019804	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1440	DTS267140247100	NÔNG THỊ KIM TRÂM	101888019857	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1441	DTS267140247101	PHẠM THÀNH TRUNG	101888019805	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1442	DTS267140247102	MA VĂN VIỆT	109888334070	nhiên	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1443	DTS267140247103	LƯU THẢO VY	100888019806	nhiên	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1444	DTS267140247104	PHẠM HẢI YẾN	100888019858	nhiên	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1445	DTS267140218001	NGUYỄN QUỐC AN	104888019242	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1446	DTS267140218002	TRƯƠNG THÚY AN	104888019293	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1447	DTS267140218003	BÙI THỊ NGỌC ANH	103888019243	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1448	DTS267140218004	HOÀNG DIỆU ANH	102888019295	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1449	DTS267140218005	LƯƠNG TÙNG ANH	101888019245	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1450	DTS267140218006	PHẠM ĐỖ QUỲNH ANH	101888019296	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1451	DTS267140218007	TRẦN TUẤN ANH	102888019244	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1452	DTS267140218008	VŨ MINH ANH	103888019294	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1453	DTS267140218009	CHU THỊ NGỌC ÁNH	109888019247	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1454	DTS267140218010	LÙ VĂN CẢNH	100888019297	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1455	DTS267140218011	NGUYỄN LINH CHI	108888019248	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1456	DTS267140218012	PHÙNG ĐĂNG CHIẾN	109888019298	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1457	DTS267140218013	HÀ CÔNG CHÍNH	107888019249	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1458	DTS267140218014	PHƯỢNG MÙI DIỆT	108888019299	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1459	DTS267140218015	LỘC ĐẠI MINH DUY	108888019250	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1460	DTS267140218016	TẠ QUANG DƯƠNG	103888019300	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1461	DTS267140218017	HÀ TRỌNG ĐÊM	107888019251	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1462	DTS267140218018	SẦM VĂN ĐỊNH	102888019301	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1463	DTS267140218019	LÝ VŨ MINH ĐỨC	106888019252	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1464	DTS267140218020	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	101888019302	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1465	DTS267140218021	QUÁCH BẢO HÂN	105888019253	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1466	DTS267140218022	ĐỖ GIA HIỂN	100888019303	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1467	DTS267140218023	LÊ MINH HIẾU	104888019254	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1468	DTS267140218024	HOÀNG THỊ HOA	108888036902	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1469	DTS267140218026	PHÙNG MINH HUỆ	109888019304	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1470	DTS267140218027	DƯƠNG QUANG HUY	103888019255	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1471	DTS267140218028	ĐÀO GIA HƯNG	108888019305	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1472	DTS267140218029	PHẠM KHÁNH HƯNG	102888019256	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1473	DTS267140218030	MA THỊ PHƯƠNG LAN	107888019306	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1474	DTS267140218031	TƯỚNG THỊ LỆ	101888019257	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1475	DTS267140218032	NGUYỄN DIỆU LINH	106888019307	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1476	DTS267140218033	PHAN THỊ TÀ LINH	100888019258	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1477	DTS267140218035	HỒ NGỌC LY	109888019259	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1478	DTS267140218036	HỨA KHÁNH LY	104888019309	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1479	DTS267140218037	BÙI THANH MAI	100888019260	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1480	DTS267140218039	VƯƠNG THỊ MẪN	109888019261	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	0	0	215.000	391.125
1481	DTS267140218040	CHẢO TÀ MẢY	105888019311	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1482	DTS267140218041	HOÀNG THỊ NGÂN	108888019262	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1483	DTS267140218042	PHAN THỊ KIM NGÂN	104888019312	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1484	DTS267140218043	HOÀNG THỊ NGHI	107888019263	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1485	DTS267140218044	BÙI TUẤN NGỌC	103888019313	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1486	DTS267140218045	TRẦN KHÁNH NGỌC	106888019264	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1487	DTS267140218046	LÊ THỊ ÁNH NGUYỆT	102888019314	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	10.000	20.000	215.000	361.125
1488	DTS267140218047	MA THỊ NHÂM	105888019265	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1489	DTS267140218048	NGUYỄN HỮU NHẬT	101888019315	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1490	DTS267140218049	BÙI THỊ YẾN NHI	104888019266	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
1491	DTS267140218050	LÂM THỊ YẾN NHI	109888019317	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1492	DTS267140218051	ĐÀM THỊ NHỚ	103888019267	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1493	DTS267140218052	HÀ THỊ HỒNG NHUNG	108888019318	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1494	DTS267140218053	HOÀNG THỊ CẨM NHUNG	102888019268	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1495	DTS267140218054	NÔNG THỊ QUỲNH NHƯ	108888019320	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1496	DTS267140218055	ĐÀO NGUYÊN PHÚC	101888019269	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1497	DTS267140218056	HOÀNG THỊ KIM PHƯỢNG	107888019321	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1498	DTS267140218057	MAI MINH PHƯỢNG	103888019270	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1499	DTS267140218058	NÔNG HẢI QUÂN	106888019322	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1500	DTS267140218059	VÌ ANH QUÂN	102888019271	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1501	DTS267140218060	MA THỊ NHƯ QUỲNH	105888019323	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1502	DTS267140218061	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	101888019272	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1503	DTS267140218062	NGUYỄN THỊ QUỲNH	103888019325	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1504	DTS267140218063	PHẠM NHƯ QUỲNH	100888019273	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1505	DTS267140218064	VŨ NHƯ QUỲNH	104888019324	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1506	DTS267140218065	VŨ TRƯỜNG SƠN	109888486473	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1507	DTS267140218066	HỜ A TÌNH	105888334061	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1508	DTS267140218067	NGUYỄN ANH TÚ	109888019274	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1509	DTS267140218068	VI ANH TÚ	102888511749	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1510	DTS267140218069	HÀ ANH TUẤN	108888019275	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1511	DTS267140218070	HOÀNG QUỐC TUẤN	102888019326	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1512	DTS267140218071	PHẠM QUANG TÙNG	107888019276	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1513	DTS267140218072	VŨ THỊ ÁNH TUYẾT	101888019327	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1514	DTS267140218073	NÔNG VĂN THANH	106888019277	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1515	DTS267140218074	NGUYỄN THỊ THANH	100888019328	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1516	DTS267140218075	NGUYỄN TIẾN THÀNH	105888019278	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1517	DTS267140218076	KHÚC THỊ THẢO	100888019330	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1518	DTS267140218077	KHÚC THỊ PHƯƠNG THẢO	104888019279	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1519	DTS267140218078	NGUYỄN LÊ THẢO	109888019329	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1520	DTS267140218079	TRẦN PHƯƠNG THẢO	105888019280	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1521	DTS267140218080	LƯƠNG ĐỨC THẮNG	109888019331	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1522	DTS267140218081	NGUYỄN THỊ THIẾT	104888019281	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1523	DTS267140218082	BÙI LỆ THU	108888019332	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1524	DTS267140218084	VŨ THỊ MINH THU	106888019334	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1525	DTS267140218085	TRẦN DIỆU THÚY	102888019283	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1526	DTS267140218086	MA ANH THƯ	105888019335	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1527	DTS267140218087	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	101888019284	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1528	DTS267140218088	ĐẶNG THÙY TRANG	104888019336	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1529	DTS267140218089	ĐỖ THU TRANG	104888034623	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1530	DTS267140218090	ĐỖ THU TRANG	102888019338	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1531	DTS267140218091	HÀ THỊ HUYỀN TRANG	109888019286	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1532	DTS267140218092	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	103888019337	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1533	DTS267140218093	NGUYỄN THÙY TRANG	100888019285	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1534	DTS267140218094	ĐÒNG HUYỀN TRÂN	103888019340	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1535	DTS267140218095	HOÀNG THỊ TRÚC	108888019287	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1536	DTS267140218096	NGUYỄN TÔ KHÁNH UYÊN	102888019341	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1537	DTS267140218097	NGUYỄN TÚ UYÊN	107888019288	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	0	0	215.000	391.125
1538	DTS267140218098	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	101888019342	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1539	DTS267140218099	PHẠM THANH VÂN	106888019289	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1540	DTS267140218100	PHẠM DOÃN VINH	100888019343	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1541	DTS267140218101	SÙNG QUANG VINH	107888019290	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1542	DTS267140218102	NGUYỄN THỊ THẢO VY	109888019344	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1543	DTS267140218103	VŨ THỊ THẢO VY	106888019291	Sư phạm Lịch sử	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1544	DTS267140249001	CAP THỊ VÂN ANH	108888018096	Lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1545	DTS267140249002	HÀ HẢI ANH	107888018155	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1546	DTS267140249003	HOÀNG CÔNG ANH	107888018097	Lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1547	DTS267140249004	LÊ THỊ LAN ANH	106888018156	Lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1548	DTS267140249006	NGUYỄN HẢI ANH	108888018154	Lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1549	DTS267140249007	NGUYỄN NGỌC ANH	106888018098	Lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1550	DTS267140249008	NGUYỄN TUẤN ANH	105888018157	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1551	DTS267140249009	NGUYỄN THỊ BÍCH	105888018099	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1552	DTS267140249010	BÙI THỊ HẢI BÌNH	104888334048	Lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1553	DTS267140249011	HOÀNG QUỐC CƯỜNG	100888018100	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1554	DTS267140249012	NGUYỄN HÀ CHUYÊN	104888018158	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1555	DTS267140249014	VI LƯU DUYÊN	103888018159	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1556	DTS267140249015	DƯƠNG	108888018102	Lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1557	DTS267140249016	BẠN THỊ ANH ĐÀO	104888018160	Lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1558	DTS267140249017	BÙI TUẤN ĐIỆP	107888018103	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1559	DTS267140249018	BÙI THỊ HƯƠNG GIANG	103888018161	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1560	DTS267140249019	GIANG	106888018104	Lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1561	DTS267140249020	GIANG	102888018162	lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1562	DTS267140249021	ĐẶNG THU HÀ	102888031449	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1563	DTS267140249022	PHẠM NGỌC HÀ	100888018164	lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1564	DTS267140249023	VI VIỆT HÀ	105888018105	lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1565	DTS267140249024	VŨ THU HÀ	101888018163	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1566	DTS267140249025	NGÔ THỊ KHÁNH HẠ	104888018106	lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1567	DTS267140249026	LẠI THỊ HẢO	109888018165	lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1568	DTS267140249027	NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	102888018108	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1569	DTS267140249028	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	108888018166	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1570	DTS267140249029	PHẠM THANH HẰNG	103888018107	lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1571	DTS267140249030	BÙI THỊ NGỌC HÂN	107888018167	lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1572	DTS267140249031	CHU THỊ HÂN	101888018109	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1573	DTS267140249032	GIÀNG THỊ HIÊN	106888018168	lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1574	DTS267140249033	HOÀNG KHÁNH HIỀN	103888018110	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1575	DTS267140249034	TẠ THỊ HOA	105888018169	lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1576	DTS267140249035	HƯỚNG KHÁNH HOÀI	101888018112	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1577	DTS267140249036	ĐÀM MINH HOÀNG	107888018170	lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1578	DTS267140249037	HOÀNG THỊ HỒNG	100888018113	lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1579	DTS267140249038	DIỆP VƯƠNG HƯNG	106888018171	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1580	DTS267140249039	BẾ KHÁNH HUYỀN	109888018114	lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1581	DTS267140249040	TRẦN THU HUYỀN	105888018172	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1582	DTS267140249041	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	107888018116	lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1583	DTS267140249043	NGÔ GIA KIỆT	106888018117	lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1584	DTS267140249044	VI THỊ LAN	104888018173	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1585	DTS267140249045	BẾ THỊ LỄ	104888018119	lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1586	DTS267140249046	DƯƠNG THÙY LINH	103888018174	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1587	DTS267140249047	NGUYỄN GIANG LINH	104888018121	lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1588	DTS267140249048	NGUYỄN KHÁNH LINH	102888018175	lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1589	DTS267140249049	ĐINH HƯƠNG LOAN	103888018122	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1590	DTS267140249050	ĐẶNG HƯƠNG LY	101888018176	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1591	DTS267140249051	HOÀNG KHÁNH LY	102888018123	lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1592	DTS267140249052	LÝ THỊ THẢO LY	100888018177	lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1593	DTS267140249053	ĐÀM HOÀNG MAI	108888018127	lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1594	DTS267140249054	LÊ NGỌC MAI	108888031482	lý	2.000.000	540.000	853.875	0	0	215.000	391.125
1595	DTS267140249055	NGUYỄN THỊ MAI	109888018126	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1596	DTS267140249056	DƯƠNG THỊ TRÀ MI	109888018178	lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1597	DTS267140249058	NÔNG THỊ TRÀ MY	108888018179	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1598	DTS267140249059	HOÀNG MÙI NÀI	107888018128	lý	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
1599	DTS267140249060	MÔNG HOÀNG NAM	109888018180	lý	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1600	DTS267140249061	TÒNG THỊ NGA	107888018130	lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1601	DTS267140249062	NGÂN	108888031494	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1602	DTS267140249063	ĐINH THỊ BẢO NGỌC	106888018131	lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1603	DTS267140249064	HOÀNG LÊ BẢO NGỌC	106888018183	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1604	DTS267140249065	LƯƠNG MINH NGỌC	105888018132	lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1605	DTS267140249066	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	107888018182	lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1606	DTS267140249067	PHAN KIM NGUYÊN	103888018134	lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1607	DTS267140249068	HOÀNG ÁNH NGUYỆT	105888018184	lý	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1608	DTS267140249069	NÔNG THỊ LƯƠNG NHI	102888018135	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1609	DTS267140249070	VƯƠNG LÝ NHI	104888018185	lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1610	DTS267140249071	NGUYỄN THỊ NHUNG	101888018136	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1611	DTS267140249072	NHUNG	103888018186	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1612	DTS267140249073	CHANG THỊ NHƯ	100888018137	lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1613	DTS267140249074	NGUYỄN KIM OANH	102888018187	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1614	DTS267140249075	HOÀNG BÉ OÁNH	109888018138	lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1615	DTS267140249077	PHU GỚ PHE	108888018139	lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1616	DTS267140249078	PHẠM MINH QUÂN	101888018188	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1617	DTS267140249079	ĐINH THỊ HÀ QUYÊN	100888018140	lý	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1618	DTS267140249080	ĐỖ THỊ NHƯ QUỲNH	100888018189	lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Sổ ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1619	DTS267140249081	LÝ MINH SƠN	109888018141	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1620	DTS267140249082	LÊ MINH TUẤN	101888018190	Lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1621	DTS267140249083	CHU THỊ ÁNH TUYẾT	108888018142	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1622	DTS267140249084	NGUYỄN HÀ THANH	100888018191	Lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1623	DTS267140249085	BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	107888018143	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1624	DTS267140249086	MAI THỊ LIÊN THIỆP	109888018192	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1625	DTS267140249087	HỜ THỊ THUỶ	106888018144	Lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1626	DTS267140249090	BÀN THANH THỦY	108888018193	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1627	DTS267140249091	MẠ THU THỦY	105888018145	Lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1628	DTS267140249092	VÀNG THU THỦY	107888018194	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1629	DTS267140249093	VƯƠNG THỊ THU THỦY	105888334047	Lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1630	DTS267140249095	VŨ THỊ ANH THƯ	104888018146	Lý	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1631	DTS267140249096	HÙNG THỊ THƯƠNG	105888018196	Lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1632	DTS267140249097	NÔNG HOÀI THƯƠNG	103888018147	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1633	DTS267140249098	DOÃN THỊ QUỲNH TRANG	104888018197	Lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1634	DTS267140249099	HOÀNG THUỲ TRANG	102888018148	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1635	DTS267140249100	VI THỊ THU TRANG	103888018198	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1636	DTS267140249101	ĐÀM THỊ BẢO TRÂM	109888031466	Lý	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1637	DTS267140249102	HỨA BẢO TRÂM	102888018199	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1638	DTS267140249103	LÝ THỊ BẢO TRÂM	101888018149	Lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1639	DTS267140249104	NGUYỄN THÀNH TRUNG	107888018200	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1640	DTS267140249105	CÀ THỊ THÚY VÂN	102888018150	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1641	DTS267140249106	CHU THẢO VI	106888018201	Lý	2.000.000	540.000	853.875	0	0	215.000	391.125
1642	DTS267140249107	HOÀNG THỊ VI	101888018151	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1643	DTS267140249108	NÔNG HÀ VY	104888018203	Lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1644	DTS267140249109	PHẠM THỊ BẢO VY	100888018152	Lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1645	DTS267140249110	LÒ THỊ XÂM	103888018204	Lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1646	DTS267140249111	NGÔ HOÀNG YẾN	109888018153	Lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1647	DTS267140217001	ĐỖ PHƯƠNG ANH	109888019561	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1648	DTS267140217002	HỒ NGỌC TRÂM ANH	107888019621	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1649	DTS267140217003	HỨA VÂN ANH	108888019684	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1650	DTS267140217004	LƯU MINH ANH	100888019560	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1651	DTS267140217005	NGÔ HOÀNG ANH	106888019622	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1652	DTS267140217006	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	105888019687	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1653	DTS267140217007	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	108888019562	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1654	DTS267140217008	PHẠM QUỲNH ANH	108888036939	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1655	DTS267140217009	PHẠM THỊ HOÀNG ANH	107888019685	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1656	DTS267140217010	TRƯƠNG THỊ VÂN ANH	107888019563	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1657	DTS267140217011	VŨ THỊ LAN ANH	105888019623	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1658	DTS267140217012	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	103888019689	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1659	DTS267140217013	NGUYỄN NGỌC ÁNH	106888019564	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1660	DTS267140217014	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	104888019624	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1661	DTS267140217015	TRẦN NGỌC BẢO	103888019691	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1662	DTS267140217016	NGUYỄN NGỌC BÍCH	105888019565	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1663	DTS267140217017	VI THỊ NGỌC BÍCH	103888019625	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1664	DTS267140217018	NGUYỄN NGỌC BIÊN	105888035373	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1665	DTS267140217019	HOÀNG THANH BÌNH	104888019566	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1666	DTS267140217020	CHÂM	101888019627	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1667	DTS267140217021	NGUYỄN BẢO CHÂM	102888019692	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1668	DTS267140217022	ĐOÀN HUYỀN CHÂU	103888019567	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1669	DTS267140217023	VŨ BẢO CHÂU	100888019628	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1670	DTS267140217024	ĐẶNG QUỲNH CHI	100888019694	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1671	DTS267140217025	LỘC KIM CHI	102888019568	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1672	DTS267140217026	NGUYỄN DIỆP CHI	109888019629	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1673	DTS267140217027	NGUYỄN THÙY CHI	101888019693	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1674	DTS267140217028	PHẠM THỊ QUỲNH CHI	101888019569	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1675	DTS267140217029	SIN THỊ CHÚC	100888019630	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1676	DTS267140217030	MÃ THỊ KIỀU DIỄM	109888019695	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Sổ ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1677	DTS267140217031	NGUYỄN BÍCH DIỆP	103888019570	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1678	DTS267140217032	NGUYỄN HOÀNG DIỆU	109888019631	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1679	DTS267140217033	PHẠM THỊ ÁNH DINH	107888019697	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1680	DTS267140217034	ĐINH THỊ KIM DUNG	102888019571	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1681	DTS267140217035	HOÀNG THỊ KIM DUNG	108888019632	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1682	DTS267140217037	VÀNG KIM DUNG	101888019572	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1683	DTS267140217038	GIÀNG A DŨNG	107888019633	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1684	DTS267140217039	NGUYỄN ĐỨC DUY	106888019698	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1685	DTS267140217040	THẠCH THỊ BẢO DUYÊN	100888019573	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1686	DTS267140217041	ĐẶNG THỊ THÙY DƯƠNG	106888019634	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
1687	DTS267140217042	DƯƠNG	105888019699	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1688	DTS267140217044	HOÀNG THỊ KIM ĐẠT	105888019635	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1689	DTS267140217045	PHẠM THÀNH ĐẠT	109888019700	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1690	DTS267140217047	HOÀNG HƯƠNG GIANG	103888019637	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1691	DTS267140217048	HOÀNG THỊ TRÀ GIANG	108888019701	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1692	DTS267140217049	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	108888019575	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1693	DTS267140217050	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	104888019636	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1694	DTS267140217051	NGÔ THANH HÀ	107888019702	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1695	DTS267140217052	NGUYỄN THU HÀ	107888019576	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1696	DTS267140217053	PHẠM HỒNG HÀ	102888019638	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1697	DTS267140217054	HÀ THỊ HẠNH	106888019703	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1698	DTS267140217055	NÔNG THỊ THUÝ HẠNH	106888019577	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1699	DTS267140217056	VI THỊ PHƯƠNG HẢO	103888019640	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1700	DTS267140217057	BÙI THỊ THU HẰNG	103888019706	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1701	DTS267140217058	CAO THANH HẰNG	104888019579	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1702	DTS267140217059	CAO THU HẰNG	102888019641	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1703	DTS267140217060	ĐỖ MINH HẰNG	104888019705	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1704	DTS267140217061	NGUYỄN THU HẰNG	105888019578	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1705	DTS267140217062	DƯƠNG THỊ THU HIỀN	101888019642	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1706	DTS267140217063	BÙI THỊ HOA	102888019707	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1707	DTS267140217064	TRƯƠNG THỊ HOA	105888019580	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1708	DTS267140217065	ĐINH THỊ THU HOÀI	100888019643	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1709	DTS267140217066	NGUYỄN MINH HOÀNG	101888019708	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1710	DTS267140217067	HOÀNG VĂN HÙNG	104888019581	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1711	DTS267140217068	HUYÊN	108888019645	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
1712	DTS267140217069	LÒ THỊ THANH HUYỀN	100888019709	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1713	DTS267140217070	TÔ NGỌC HUYỀN	103888019582	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1714	DTS267140217071	TRẦN THỊ THU HUYỀN	109888019644	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1715	DTS267140217072	BÀN THỊ MAI HƯƠNG	102888019710	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1716	DTS267140217073	HOÀNG THỊ HƯƠNG	102888019583	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1717	DTS267140217074	HOÀNG THỊ THU HƯƠNG	107888019646	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1718	DTS267140217075	LIỄU THU HƯƠNG	101888019711	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1719	DTS267140217076	NGUYỄN MAI HƯƠNG	101888019584	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1720	DTS267140217077	LÃNG THỊ HƯƠNG	106888019647	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1721	DTS267140217078	HÀ NGỌC KHUÊ	100888019712	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1722	DTS267140217079	GIÀNG THỊ LAN	100888019585	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1723	DTS267140217080	HOÀNG DUY LÂM	105888019648	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1724	DTS267140217081	BẾ THỊ KHÁNH LINH	109888019713	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1725	DTS267140217082	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG LINH	109888019586	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1726	DTS267140217083	ĐỖ PHƯƠNG LINH	102888019653	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1727	DTS267140217084	HÀ THÙY LINH	107888019715	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1728	DTS267140217085	LÊ VŨ THÙY LINH	107888019588	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1729	DTS267140217086	NGUYỄN HÀ LINH	103888019652	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1730	DTS267140217087	LINH	106888019716	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1731	DTS267140217088	NGUYỄN LÊ KHÁNH LINH	105888019717	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1732	DTS267140217089	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	104888019651	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1733	DTS267140217090	PHÙNG HUỆ LINH	108888019714	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1734	DTS267140217091	TRỊNH KHÁNH LINH	108888019587	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1735	DTS267140217092	TRƯƠNG THỊ KHÁNH LINH	104888019649	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1736	DTS267140217093	HOÀNG THỊ LOAN	104888019718	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1737	DTS267140217094	HOÀNG THỊ MAI LOAN	106888019589	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1738	DTS267140217095	MA NGỌC LƯỢNG	101888019654	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1739	DTS267140217096	BÀN NGUYỄN BẢO LY	103888019719	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1740	DTS267140217097	HOÀNG KHÁNH LY	106888019591	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1741	DTS267140217098	MAI THỊ KHÁNH LY	100888019655	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1742	DTS267140217099	NGUYỄN PHƯƠNG LY	108885717998	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1743	DTS267140217100	PHẠM TRÚC LY	107888019590	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1744	DTS267140217101	BÙI THỊ XUÂN MAI	109888019656	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1745	DTS267140217102	HÀ THỊ TRÀ MY	103888019721	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1746	DTS267140217103	NGUYỄN VI TRÀ MY	105888019592	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1747	DTS267140217104	LÂM THANH NGA	108888019657	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1748	DTS267140217105	ĐINH THỊ NGÂN	101888019723	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1749	DTS267140217106	ĐINH THỊ KIM NGÂN	104888019593	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1750	DTS267140217107	LÒ THỊ KIM NGÂN	107888019658	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1751	DTS267140217108	NGÂN	102888019722	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1752	DTS267140217109	PHẠM THỊ KIM NGÂN	103888019594	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1753	DTS267140217111	PHẠM HỒNG NGỌC	100888019724	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1754	DTS267140217112	PHẠM THỊ BÍCH NGỌC	101888019596	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1755	DTS267140217113	PHẠM THỊ KHÁNH NGỌC	106888019659	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1756	DTS267140217114	DOÃN THẢO NGUYÊN	109888019725	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1757	DTS267140217115	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	100888019597	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1758	DTS267140217116	PHẠM THỊ NHƯ NGUYỆT	107888019660	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1759	DTS267140217117	NGUYỄN VIỆT NHẬT	108888019726	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1760	DTS267140217118	ĐẶNG Ý NHI	109888019598	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1761	DTS267140217119	LỤC LINH NHI	106888019661	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1762	DTS267140217120	VY YẾN NHI	107888019727	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1763	DTS267140217121	NINH THỊ NHIÊN	108888019599	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1764	DTS267140217122	ĐINH THỊ TRANG NHUNG	105888019662	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1765	DTS267140217123	TRIỆU THỊ HỒNG NHUNG	106888019728	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1766	DTS267140217124	NHƯ	103888019600	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1767	DTS267140217125	HOÀNG PHƯƠNG OANH	103888019664	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1768	DTS267140217126	LƯƠNG THỊ KIM OANH	105888019729	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1769	DTS267140217127	MÈ THỊ OANH	102888019601	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1770	DTS267140217128	NÔNG THỊ KIM OANH	102888019665	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1771	DTS267140217129	BÙI HỒNG PHẤN	106888019730	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1772	DTS267140217130	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	109888019604	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1773	DTS267140217131	TẠ MINH PHƯƠNG	100888019667	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1774	DTS267140217132	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	105888019731	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1775	DTS267140217133	PHƯƠNG	100888019603	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1776	DTS267140217134	ĐOÀN ANH QUÂN	100888019670	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1777	DTS267140217135	LÊ THỊ QUYÊN	104888019732	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1778	DTS267140217136	TRẦN ĐỖ QUYÊN	108888019605	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1779	DTS267140217137	TRẦN THỊ HỒNG QUYÊN	109888019671	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1780	DTS267140217138	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	103888019733	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1781	DTS267140217139	NGUYỄN ĐÌNH TÀY	107888019606	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1782	DTS267140217140	ĐỖ MINH TÚ	108888019672	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1783	DTS267140217141	HÀ THỊ CẨM TÚ	102888019734	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1784	DTS267140217142	BÙI THANH THẢO	105888019608	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1785	DTS267140217143	MA THỊ THẢO	106888019674	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1786	DTS267140217144	PHẠM PHƯƠNG THẢO	100888019736	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1787	DTS267140217145	PHẠM THỊ THANH THẢO	106888019607	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1788	DTS267140217146	PHẠM THỊ THU THẢO	107888019673	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
1789	DTS267140217147	TRẦN THẮM THẢO	109888019737	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1790	DTS267140217148	HOÀNG KIM THOA	104888019609	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1791	DTS267140217149	HOÀNG PHƯƠNG THÙY	105888019675	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1792	DTS267140217150	BẾ VŨ THU THỦY	108888019738	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1793	DTS267140217151	HOÀNG THỊ THUYÊN	105888019611	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1794	DTS267140217152	HOÀNG MINH THƯ	104888019676	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1795	DTS267140217153	NGUYỄN AN THƯ	107888019739	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1796	DTS267140217154	TỪ LÊ THƯƠNG	103888019613	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1797	DTS267140217155	HOÀNG HỒNG TRÀ	103888019677	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1798	DTS267140217156	GIÁP THỊ HUYỀN TRANG	109888019740	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1799	DTS267140217157	HÀ THU TRANG	101888019615	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1800	DTS267140217158	HÀ THÚY TRANG	101888019679	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1801	DTS267140217159	NGUYỄN PHƯƠNG TRANG	108888019741	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1802	DTS267140217160	NGUYỄN THÙY TRANG	102888019614	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1803	DTS267140217161	NHÂM THỊ HUYỀN TRANG	102888019678	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1804	DTS267140217162	MA THỊ BẢO TRÂM	107888019742	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
1805	DTS267140217163	DƯƠNG THỊ BẢO TRÂN	100888019616	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1806	DTS267140217164	LĂNG THỊ BẢO TRÂN	102888019680	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1807	DTS267140217165	TRỊNH HUYỀN TRÂN	106888019743	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1808	DTS267140217166	ĐÀO THỊ THẢO VÂN	109888019617	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1809	DTS267140217167	HOÀNG KHÁNH VÂN	101888019681	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1810	DTS267140217168	DƯƠNG THỊ LỆ VY	104888019745	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1811	DTS267140217169	KHOÀNG KHÁNH VY	108888019618	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1812	DTS267140217170	LÊ THỊ HÀ VY	100888019682	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1813	DTS267140217171	MA THỊ PHƯƠNG VY	105888019744	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1814	DTS267140217172	TÔ THỊ XUÂN	107888019619	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1815	DTS267140217173	ĐINH NGỌC YẾN	109888019683	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1816	DTS267140217174	HOÀNG THỊ YẾN	103888019746	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1817	DTS267140217175	VŨ HẢI YẾN	108888019620	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1818	DTS267140217176	TRỊNH QUẾ LÂM	102888334122	Sư phạm Ngữ văn	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1819	DTS267140213001	BÙI LÊ NGỌC ANH	109888019861	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1820	DTS267140213002	ĐÀO VIỆT ANH	105888019865	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1821	DTS267140213003	HÀ NGỌC ANH	109888019859	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1822	DTS267140213004	TRẦN MINH ANH	108888019862	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1823	DTS267140213005	HOÀNG THỊ NGỌC ÁNH	103888019867	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1824	DTS267140213006	NGỌC THẾ BẢO	102888019871	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1825	DTS267140213007	NGUYỄN THỊ HÀ CHÂU	101888019872	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1826	DTS267140213008	VY THỊ DUYÊN	108888019875	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1827	DTS267140213009	MẠC TIẾN ĐẠI	107888019876	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1828	DTS267140213010	VƯƠNG VĂN ĐỒNG	104888019879	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1829	DTS267140213011	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	105888019880	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1830	DTS267140213012	NGUYỄN HOÀNG HẢI	102888019883	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1831	DTS267140213013	NGUYỄN THỊ DUYÊN HẢI	108888334071	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1832	DTS267140213014	PHẠM XUÂN HẢI	101888019884	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1833	DTS267140213016	TRƯƠNG THỊ THU HẰNG	108888019887	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1834	DTS267140213017	TÒNG THỊ MAI HỒNG	105888019892	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1835	DTS267140213018	BÙI KIM HUỆ	103888019894	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1836	DTS267140213019	PHẠM MINH HUYỀN	101888019896	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1837	DTS267140213020	HOÀNG VĂN LONG	108888019899	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1838	DTS267140213021	PHẠM LY LY	107888334072	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1839	DTS267140213022	TRẦN XUÂN MAI	102888019901	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1840	DTS267140213023	NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC	100888019903	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1841	DTS267140213024	TRẦN THỊ MINH NGUYỆT	108888019905	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1842	DTS267140213025	HÀ THỊ HỒNG NHI	106888019907	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1843	DTS267140213026	HẦU VĂN PHÚC	105888019908	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1844	DTS267140213027	HÀ KHÁNH PHƯƠNG	104888019912	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1845	DTS267140213028	NGHIÊM THỊ PHƯƠNG	103888019913	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1846	DTS267140213029	TRẦN MINH PHƯƠNG	100888019916	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1847	DTS267140213030	VŨ QUỲNH PHƯƠNG	109888019917	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1848	DTS267140213031	VÙI LƯU HÀ PHƯƠNG	107888019919	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1849	DTS267140213032	NGUYỄN THÚY QUỲNH	106888019922	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1850	DTS267140213033	BÙI CAO SÂM	104888019924	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1851	DTS267140213034	TRẦN MẠNH TIẾN	102888019926	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1852	DTS267140213035	NÔNG THỊ TUYẾT	100888019928	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1853	DTS267140213036	QUÀNG THỊ THẢO	100888019930	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1854	DTS267140213037	NGUYỄN TIẾU THIÊN	108888019932	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1855	DTS267140213038	ĐÀO THỊ PHƯƠNG THUÝ	106888019934	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1856	DTS267140213039	BÙI THANH THƯ	104888019936	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1857	DTS267140213040	PHẠM MINH THƯ	102888019938	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1858	DTS267140213041	BÙI THỊ THU TRANG	102888019941	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1859	DTS267140213042	ĐỖ THỊ TỐ UYÊN	100888019943	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1860	DTS267140213043	PHÀN THỊ YÊN	107888019946	Sư phạm Sinh học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1861	DTS267140231001	MÃ THÙY AN	106888019403	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1862	DTS267140231002	ĐÀO MINH ANH	100888019463	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1863	DTS267140231004	HOÀNG HẢI ANH	105888019404	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1864	DTS267140231005	LIỄU THỊ NGỌC ANH	109888019464	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1865	DTS267140231006	LƯU HƯƠNG ANH	106888019513	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1866	DTS267140231007	NÔNG MINH ANH	103888019406	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1867	DTS267140231008	NGÂN THỊ VÂN ANH	102888019461	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1868	DTS267140231009	ANH	109888019510	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1869	DTS267140231010	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	104888019405	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1870	DTS267140231011	NGUYỄN THỊ HÀ ANH	101888019462	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1871	DTS267140231012	PHẠM PHƯƠNG ANH	107888019512	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1872	DTS267140231013	PHẠM PHƯƠNG ANH	102888019407	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1873	DTS267140231014	PHẠM THỊ VÂN ANH	102888019459	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1874	DTS267140231015	TÔ MAI ANH	108888019511	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	0	215.000	391.125
1875	DTS267140231017	TRẦN THỊ HOÀNG ANH	103888019460	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1876	DTS267140231018	NGHIÊM THỊ NGỌC ÁNH	104888019515	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1877	DTS267140231019	NGUYỄN NGỌC ÁNH	101888019408	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1878	DTS267140231020	HÀ THỊ QUỲNH CHÂM	108888019465	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1879	DTS267140231021	NGUYỄN MINH CHÂU	103888019516	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1880	DTS267140231022	NGUYỄN QUỲNH CHI	100888019409	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1881	DTS267140231023	NGUYỄN YẾN CHI	106888019467	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1882	DTS267140231024	PHẠM QUỲNH CHI	102888019517	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1883	DTS267140231025	DIỄM	102888019410	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1884	DTS267140231026	TRẦN DƯƠNG HỒNG DIỄM	105888019468	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1885	DTS267140231027	CÙ NGỌC DIỆP	100888036913	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1886	DTS267140231028	HOÀNG NGỌC DIỆP	101888019411	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1887	DTS267140231029	LƯU THÙY DUNG	104888019469	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1888	DTS267140231030	NGÔ PHƯƠNG DUNG	101888019518	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1889	DTS267140231031	HOÀNG ÁNH DƯƠNG	109888019413	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1890	DTS267140231032	NGUYỄN QUỲNH DƯƠNG	106888019470	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1891	DTS267140231033	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	100888019519	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1892	DTS267140231034	VŨ THỊ ÁNH DƯƠNG	100888019412	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1893	DTS267140231035	NGUYỄN KIM ĐOAN	104888019472	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1894	DTS267140231036	VŨ MINH ĐỨC	101888019520	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1895	DTS267140231037	BÙI HƯƠNG GIANG	108888019414	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1896	DTS267140231038	QUÁCH THỊ HƯƠNG GIANG	103888019473	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1897	DTS267140231039	LÒ THỊ THU HÀ	100888019521	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1898	DTS267140231040	NGUYỄN THU HÀ	106888019416	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
1899	DTS267140231041	ĐINH ĐẶNG MỸ HẠNH	102888019474	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1900	DTS267140231042	HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH	102888334089	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1901	DTS267140231043	LƯỜNG HÀ HẠNH	105888019417	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
1902	DTS267140231044	LÙ THỊ MINH HẢO	101888019475	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1903	DTS267140231045	NGUYỄN THUÝ HẰNG	109888019522	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1904	DTS267140231046	PHAN THANH HẰNG	104888019418	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1905	DTS267140231047	HÀ HUY HẬU	100888019476	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1906	DTS267140231048	LÊ THỊ THANH HIÊN	108888019523	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1907	DTS267140231049	NÔNG MINH HOA	103888019419	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1908	DTS267140231050	NGUYỄN THỊ HOÀI	109888019477	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1909	DTS267140231051	NGUYỄN NHƯ HOÀNG	107888019524	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1910	DTS267140231052	TRẦN DANH HOÀNG	104888019420	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1911	DTS267140231053	VY VĨNH HUÂN	107888019479	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1912	DTS267140231054	VŨ KIM HUỆ	106888019525	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1913	DTS267140231055	NINH THỊ HUYỀN	103888019421	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1914	DTS267140231056	HUYỀN	108888019480	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1915	DTS267140231057	PHẠM THU HUYỀN	105888019526	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1916	DTS267140231058	NGUYỄN GIA HƯNG	102888019422	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1917	DTS267140231059	ĐẶNG DIỆU HƯƠNG	107888019481	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1918	DTS267140231060	HƯƠNG	104888019527	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1919	DTS267140231061	ĐỖ NGỌC KIÊN	101888019423	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1920	DTS267140231062	PHẠM THỊ MINH KIỀU	106888019482	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1921	DTS267140231063	ÂU DUY KHẢI	103888019528	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1922	DTS267140231064	ĐOÀN NGỌC KHÁNH	100888019424	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1923	DTS267140231065	KHÁNH	104888019484	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1924	DTS267140231066	VŨ TRỊNH NGỌC KHÁNH	102888019529	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1925	DTS267140231067	NGUYỄN HÀ HƯƠNG LAN	109888019425	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1926	DTS267140231068	TRẦN NGỌC BẢO LAN	103888019485	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1927	DTS267140231069	NGUYỄN PHƯƠNG LIÊN	103888019530	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1928	DTS267140231070	BÙI TÔNG KHÁNH LINH	105888019429	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1929	DTS267140231071	ĐỖ HÀ LINH	101888019487	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1930	DTS267140231072	LÝ KHÁNH LINH	109888019534	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1931	DTS267140231073	MẪN THỊ NGỌC LINH	108888019426	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1932	DTS267140231074	NGUYỄN KHÁNH LINH	102888019486	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1933	DTS267140231075	PHẠM MAI LINH	101888019532	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1934	DTS267140231076	PHẠM THỊ PHƯƠNG LINH	106888019428	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
1935	DTS267140231077	PHAN HÀ LINH	100888019488	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1936	DTS267140231078	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	100888019533	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1937	DTS267140231079	GIÁP THỊ THANH LOAN	106888019430	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1938	DTS267140231081	NGUYỄN KHÁNH LY	108888019535	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1939	DTS267140231082	NGUYỄN THỊ THẢO LY	105888019431	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1940	DTS267140231083	HOÀNG XUÂN MAI	108888513138	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1941	DTS267140231084	LÊ HƯƠNG MAI	107888019536	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1942	DTS267140231085	LƯƠNG ĐỨC MINH	103888019433	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1943	DTS267140231086	NGUYỄN NGỌC MINH	109888019489	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1944	DTS267140231087	PHẠM VĂN MINH	106888019537	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1945	DTS267140231088	VĂN NGUYỆT MINH	104888019432	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1946	DTS267140231089	ĐÀO HÀ MY	100888019490	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1947	DTS267140231090	NGUYỄN TRÀ MY	105888019538	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1948	DTS267140231091	ĐỖ THANH NGA	102888019434	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1949	DTS267140231092	TRỊNH HỒNG NGA	109888019491	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1950	DTS267140231093	TRƯƠNG BÍCH NGÀ	104888019539	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1951	DTS267140231094	LÊ NGUYỄN HOÀNG NGÂN	101888019435	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1952	DTS267140231095	QUÁCH THU NGÂN	108888019492	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1953	DTS267140231096	ĐẶNG PHAN BẢO NGỌC	105888019541	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1954	DTS267140231097	NGUYỄN AN NGỌC	100888019436	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1955	DTS267140231098	NGUYỄN LINH NGỌC	107888019493	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1956	DTS267140231099	NGUYỄN THỊ NGỌC	106888019540	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1957	DTS267140231100	TRẦN THỊ BẢO NGỌC	109888019437	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1958	DTS267140231101	HOÀNG BẢO NGUYÊN	103888334088	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1959	DTS267140231102	MAI HUY NGUYÊN	104888019542	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	10.000	20.000	215.000	361.125
1960	DTS267140231103	NGUYỄN KHÁNH NGUYÊN	108888019438	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1961	DTS267140231104	LÊ THỊ LAN NHI	105888019495	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1962	DTS267140231105	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	103888019543	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1963	DTS267140231106	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	107888019439	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1964	DTS267140231107	NGUYỄN HỒNG NHUNG	104888019496	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1965	DTS267140231108	NGUYỄN TRƯỜNG PHÁT	102888019544	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1966	DTS267140231109	TRẦN THUẬN PHONG	109888019440	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1967	DTS2671402311 10	TRƯƠNG TIẾN PHÚ	103888019497	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1968	DTS2671402311 11	BÙI NGỌC PHÚC	101888019545	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1969	DTS2671402311 12	LÊ THỊ MAI PHƯƠNG	104888019445	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1970	DTS2671402311 13	PHƯƠNG	102888019498	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1971	DTS2671402311 14	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	100888019546	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1972	DTS2671402311 15	NGUYỄN HẢI PHƯƠNG	108888019441	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1973	DTS2671402311 16	NGUYỄN THU PHƯƠNG	101888019499	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1974	DTS2671402311 17	LÂM CHIÊU QUÂN	109888019547	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1975	DTS2671402311 18	ĐINH THỊ MINH TÂM	102888019447	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1976	DTS2671402311 19	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	106888019500	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1977	DTS2671402311 20	HÀ ĐỨC TIẾN	108888019548	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1978	DTS2671402311 21	VŨ VIỆT TIẾN	101888019448	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1979	DTS2671402311 22	NGUYỄN ANH TÚ	105888019501	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1980	DTS2671402311 23	PHÙNG HOÀNG TÚ	107888019549	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1981	DTS2671402311 24	CAO NGUYÊN TÙNG	101888019450	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1982	DTS2671402311 25	LƯƠNG PHƯƠNG THANH	104888019502	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1983	DTS2671402311 26	THẢO	108888019550	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1984	DTS2671402311 27	HOÀNG THANH THẢO	109888019452	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1985	DTS2671402311 28	LÊ THANH THẢO	103888019503	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1986	DTS2671402311 29	LÊ THỊ THANH THẢO	107888019551	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1987	DTS2671402311 30	PHẠM PHƯƠNG THẢO	100888019451	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1988	DTS2671402311 31	QUÁCH HUY THỊNH	102888019504	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
1989	DTS2671402311 32	HOÀNG MINH THU	106888019552	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1990	DTS2671402311 33	THỦY	108888019453	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1991	DTS2671402311 34	NÔNG THANH THỦY	101888019505	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1992	DTS2671402311 35	HÀ ANH THƯ	104888037029	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1993	DTS2671402311 36	LÊ THỊ MINH THƯ	107888019454	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	0	215.000	391.125
1994	DTS2671402311 37	NGUYỄN THỊ THIÊN THƯ	100888019506	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
1995	DTS2671402311 38	QUÁCH NGỌC ANH THƯ	105888019553	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
1996	DTS2671402311 39	LÊ THỊ HÀ TRANG	106888019455	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
1997	DTS2671402311 40	LƯƠNG QUỲNH TRANG	109888019507	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1998	DTS2671402311 41	NGUYỄN QUÝ TUỆ TRANG	104888019554	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
1999	DTS2671402311 42	HÀ MINH TRIẾT	105888019456	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2000	DTS2671402311 43	PHẠM ĐỨC TRỌNG	108888034030	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2001	DTS2671402311 44	HOÀNG THÁI UYÊN	102888019556	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2002	DTS2671402311 45	LÊ HÀ VÂN	104888019457	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2003	DTS2671402311 46	HOÀNG QUỐC VIỆT	108888019508	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2004	DTS2671402311 47	NGUYỄN CHU MINH VŨ	101888019557	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2005	DTS2671402311 48	ĐẶNG LÊ VY	103888019458	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2006	DTS2671402311 49	NGUYỄN HẢI YẾN	107888019509	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2007	DTS2671402311 50	NGUYỄN THỊ HỒNG YẾN	100888019558	Sư phạm Tiếng Anh	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2008	DTS2671402101 01	HÀ TUẤN ANH	108888020102	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2009	DTS2671402101 02	KHÚC VIỆT ANH	108888020166	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2010	DTS2671402101 03	LÊ PHƯƠNG ANH	100888020100	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2011	DTS2671402101 04	MA THỊ NGỌC ANH	109888020165	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2012	DTS2671402101 05	NÔNG THẾ ANH	105888020099	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2013	DTS2671402101 06	NGUYỄN QUỲNH ANH	100888020164	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2014	DTS2671402101 07	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	107888020103	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2015	DTS2671402101 09	VƯƠNG THỊ VÂN ANH	106888020098	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2016	DTS2671402101 10	ĐẶNG THU ÁNH	107888020167	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2017	DTS2671402101 11	NGUYỄN XUÂN GIA BẢO	106888020104	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2018	DTS2671402101 12	NGUYỄN SƠN BẮC	106888020168	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2019	DTS2671402101 13	MA THỊ HOÀI BĂNG	105888020105	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2020	DTS2671402101 15	NGUYỄN THANH BÌNH	103888020107	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2021	DTS2671402101 16	TRẦN BẢO CHÂU	105888020169	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2022	DTS2671402101 17	DƯƠNG KHÁNH CHI	101888020112	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2023	DTS2671402101 18	NGUYỄN QUỲNH CHI	107888020170	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2024	DTS2671402101 19	TRẦN THẢO DIỆP	100888020113	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Sổ ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2025	DTS2671402100020	HOÀNG HUYỀN DIỆU	106888020171	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2026	DTS2671402100021	VŨ TRƯƠNG TẤN DŨNG	109888020114	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2027	DTS2671402100024	ĐẶNG HỮU ĐẠI	105888020172	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2028	DTS2671402100025	TRỊNH LƯƠNG ĐẠN	106888020117	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2029	DTS2671402100026	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	104888020173	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2030	DTS2671402100027	DƯƠNG HƯƠNG GIANG	105888020118	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2031	DTS2671402100028	NGUYỄN VIỆT HÀ	103888020174	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2032	DTS2671402100029	HOÀNG TRUNG HẢI	104888020119	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2033	DTS2671402100030	PHẠM NGỌC HẢO	102888020175	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2034	DTS2671402100031	ĐẶNG THỊ THU HẰNG	104888020121	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2035	DTS2671402100032	NGUYỄN THỊ HẰNG	101888020176	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2036	DTS2671402100033	TRẦN THU HẰNG	105888020120	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2037	DTS2671402100034	VŨ THỊ MAI HẰNG	100888020177	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2038	DTS2671402100035	NGUYỄN THÚY HIỀN	103888020122	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2039	DTS2671402100036	PHẠM GIA HIỀN	109888020178	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2040	DTS2671402100037	LÒ ĐỨC HIỆP	101888020124	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2041	DTS2671402100038	PHAN HOÀNG HIỆP	109888020180	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2042	DTS2671402100040	ĐẶNG MINH HIẾU	107888020182	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2043	DTS2671402100041	LÊ DUY HIẾU	100888020125	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2044	DTS2671402100042	TRƯƠNG MINH HIẾU	108888020181	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2045	DTS2671402100043	LÊ KIM HOÀNG	109888020126	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2046	DTS2671402100045	LÃ KHÁNH HUYỀN	108888020127	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2047	DTS2671402100046	NGUYỄN THANH HUYỀN	106888020183	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2048	DTS2671402100047	HƯƠNG	107888020130	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2049	DTS2671402100048	CHU VĂN KHANG	105888020184	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2050	DTS2671402100049	HOÀNG TRIỆU KHÁNH	105888020132	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2051	DTS2671402100050	NGUYỄN MINH KHÁNH	104888020185	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2052	DTS2671402100051	NGUYỄN THỊ TÂM KHÁNH	106888020131	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2053	DTS2671402100052	ĐOÀN LÊ MAI LAN	103888020186	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2054	DTS2671402100053	BÙI TÙNG LÂM	104888020133	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2055	DTS2671402100055	TẠ THÙY LIÊN	103888020134	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2056	DTS2671402100056	VŨ HOA LIÊN	102888020187	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2057	DTS2671402100057	BÙI THỊ LINH	102888020135	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2058	DTS2671402100058	NGUYỄN HÀ LINH	101888020190	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2059	DTS2671402100059	NGUYỄN MAI LINH	101888020136	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2060	DTS2671402100060	NGUYỄN THÙY LINH	100888020189	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2061	DTS2671402100062	PHƯƠNG THẢO LY	100888020191	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2062	DTS2671402100063	DƯƠNG NGỌC MAI	109888020138	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2063	DTS2671402100064	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	109888020192	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2064	DTS2671402100065	VƯƠNG THỊ XUÂN MAI	100888020137	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2065	DTS2671402100066	HOÀNG DUY MẠNH	108888020193	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2066	DTS2671402100067	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	108888020139	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2067	DTS2671402100068	HOÀNG BÌNH MINH	106888020195	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2068	DTS2671402100069	NGUYỄN PHÚ GIA MINH	100888020140	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2069	DTS2671402100070	PHẠM LÊ MINH	107888020194	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2070	DTS2671402100071	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	108888020142	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2071	DTS2671402100072	NGUYỄN KHẮC NAM	105888020196	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2072	DTS2671402100073	NGUYỄN DIỆU NINH	107888020143	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2073	DTS2671402100074	DOÃN BÍCH NGÂN	104888020197	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2074	DTS2671402100075	KHƯƠNG MAI NGÂN	105888020145	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2075	DTS2671402100076	PHẠM MINH NGÂN	107888334096	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2076	DTS2671402100077	NGUYỄN NGỌC NGHĨA	104888020146	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2077	DTS2671402100078	HỒ BÍCH NGỌC	103888020198	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2078	DTS2671402100079	NGUYỄN HỒNG NGỌC	101888020149	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2079	DTS2671402100080	NGUYỄN LÝ GIA NGỌC	103888334076	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2080	DTS2671402100081	TẠ BÙI HÀ NHƯ NGỌC	103888020147	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2081	DTS2671402100082	TRẦN MINH NGỌC	102888020199	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2082	DTS2671402100083	TRỊNH THỊ BẢO NGỌC	102888020148	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2083	DTS267140210084	BÊ CAO NGUYÊN	107881600640	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
2084	DTS267140210085	DƯƠNG THỊ NHƯ NGUYỆT	106888036067	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2085	DTS267140210086	ĐÀO LỤC THỦY NHI	106888020201	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2086	DTS267140210087	NGUYỄN DƯƠNG NHI	109888036107	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2087	DTS267140210088	NGUYỄN YẾN NHI	107888020200	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2088	DTS267140210089	BÌ TUYẾT NHUNG	102888020150	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2089	DTS267140210090	NGUYỄN PHƯƠNG NHUNG	104888020203	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2090	DTS267140210091	BÙI TRẦN MINH PHÚC	100888020152	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2091	DTS267140210092	CỒ BÁ PHÚC	103888020204	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2092	DTS267140210093	HOÀNG MINH PHƯƠNG	109888020153	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2093	DTS267140210094	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	102888020205	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2094	DTS267140210095	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	108888020154	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2095	DTS267140210096	PHAN THỊ PHƯƠNG	101888020206	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	20.000	215.000	361.125
2096	DTS267140210097	NGUYỄN QUỐC QUANG	107888020155	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2097	DTS267140210098	NGUYỄN MẠNH QUÂN	100888020207	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2098	DTS267140210099	ĐẶNG THỊ THU QUYÊN	106888020156	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2099	DTS267140210100	PHẠM HỮU SƠN	109888020208	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	20.000	215.000	361.125
2100	DTS267140210101	TRƯƠNG ANH SƠN	105888020157	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2101	DTS267140210102	NGUYỄN THANH TÂM	108888020209	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2102	DTS267140210103	HOÀNG VĂN TÌNH	104888020158	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2103	DTS267140210105	HÀ ANH TÚ	103888020159	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2104	DTS267140210106	LÊ NGUYỄN NHẬT TÚ	100888036989	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2105	DTS267140210108	BÙI XUÂN THÁI	100888020210	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2106	DTS267140210109	HÀ THỊ MAI THANH	104888334075	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2107	DTS267140210111	BÀNG PHƯƠNG THẢO	104888020160	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2108	DTS267140210112	NGUYỄN THU THẢO	108888020212	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2109	DTS267140210113	TRẦN KHÁNH THIỀN	103888020161	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2110	DTS267140210114	NGUYỄN VĂN THỊNH	107888020213	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2111	DTS267140210115	ĐÀO DIỆP THƠ	106888020214	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2112	DTS267140210116	NGUYỄN THỊ THU THUỶ	105888020215	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2113	DTS267140210117	NGÔ PHƯƠNG THÙY	109888036980	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2114	DTS267140210118	PHẠM PHƯƠNG THÙY	103888020217	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2115	DTS267140210119	PHAN THỊ PHƯƠNG THÙY	102888020162	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2116	DTS267140210120	ĐINH QUỲNH TRANG	102888020218	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2117	DTS267140210123	VŨ QUỲNH TRANG	101888020219	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2118	DTS267140210124	TRẦN MINH TRUNG	101888020221	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2119	DTS267140210125	ÔN QUANG TRƯỜNG	109888020223	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2120	DTS267140210126	CHU TƯỜNG VY	107888020225	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2121	DTS267140210127	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG VY	108888020224	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2122	DTS267140210128	NGUYỄN THỊ YẾN	106888020226	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
2123	DTS267140210129	THÈN NGỌC BẢO CHÂU	102888020108	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2124	DTS267140210130	BÀN THỊ CHÂU	101888020109	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2125	DTS267140210131	GIÀNG TRUNG DƯƠNG	102885441290	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2126	DTS267140210132	SÙNG VĂN HÙNG	106888334097	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2127	DTS267140210133	LÈNG THẾ HUYNH	107888020128	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2128	DTS267140210134	NGUYỄN MINH HƯNG	106888020129	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2129	DTS267140210135	LÙ THỊ NGA	106888020144	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2130	DTS267140210136	VƯƠNG MINH PHÚC	101888020151	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2131	DTS267140210137	MA CÔNG BÌNH	104888020106	Sư phạm Tin học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2132	DTS267140209001	HOÀNG KHÁNH AN	103888020229	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2133	DTS267140209002	NÔNG QUỐC AN	103888020326	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2134	DTS267140209003	NGUYỄN THỊ KHÁNH AN	105888020227	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2135	DTS267140209004	BÙI HIỀN ANH	109888020332	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2136	DTS267140209005	DƯƠNG QUỲNH ANH	101888020233	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2137	DTS267140209006	ĐẶNG NGỌC HẢI ANH	102888020327	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2138	DTS267140209007	ĐINH TIẾN ANH	104888020230	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2139	DTS267140209008	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG ANH	106888020335	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2140	DTS267140209009	LƯU HẢI ANH	103888020231	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2141	DTS2671402090 10	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN ANH	101888020328	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2142	DTS2671402090 11	NGUYỄN HOÀNG ANH	107888020237	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2143	DTS2671402090 12	ANH	100888020329	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2144	DTS2671402090 13	PHẠM QUỲNH ANH	100888020234	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2145	DTS2671402090 14	TRẦN ĐỨC ANH	100888020331	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2146	DTS2671402090 15	TRẦN NAM ANH	109888020235	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2147	DTS2671402090 16	TRẦN THỊ QUỲNH ANH	107888020334	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2148	DTS2671402090 17	VŨ TRẦN HẢI ANH	108888020236	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2149	DTS2671402090 18	TRỊNH THỊ NGỌC ÁNH	105888020336	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2150	DTS2671402090 19	LƯ GIA BẢO	106888020238	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2151	DTS2671402090 20	LƯU GIA BẢO	104888020337	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2152	DTS2671402090 21	ĐẶNG THÁI BÌNH	107888020240	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2153	DTS2671402090 22	TRẦN NAM BÌNH	102888020339	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2154	DTS2671402090 23	CÔNG	106888020241	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2155	DTS2671402090 24	NGÔ VIỆT CƯỜNG	104888020340	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2156	DTS2671402090 25	ĐÀO THỊ THÙY CHI	105888020242	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2157	DTS2671402090 26	NGUYỄN TÙNG CHI	103888020341	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2158	DTS2671402090 27	TẠ THỊ QUỲNH CHI	104888020243	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2159	DTS2671402090 28	NGUYỄN VĂN CHIẾN	102888020342	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2160	DTS2671402090 29	MAI DUY HUỲNH DANH	103888020244	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2161	DTS2671402090 30	BẠCH HUYỀN DIỆU	101888020343	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2162	DTS2671402090 31	PHẠM THỊ HUYỀN DIỆU	102888020245	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2163	DTS2671402090 32	LÊ MẠNH CHU DU	100888020344	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2164	DTS2671402090 33	TRẦN HẠNH DUNG	101888020246	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2165	DTS2671402090 34	TRƯƠNG THANH DUNG	108888020346	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2166	DTS2671402090 35	ĐỖ MINH DŨNG	109888020248	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2167	DTS2671402090 36	ĐỖ TIẾN DŨNG	107888020347	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2168	DTS2671402090 37	NGUYỄN VIỆT DŨNG	100888020247	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2169	DTS2671402090 38	NGUYỄN ĐĂNG DƯƠNG	106888020348	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2170	DTS2671402090 39	VŨ THỊ THÙY DƯƠNG	108888020249	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2171	DTS2671402090 40	NGUYỄN TẤT THÀNH ĐẠT	106888020350	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2172	DTS2671402090 41	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	109888020250	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2173	DTS2671402090 42	PHAN THÀNH ĐẠT	105888020349	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2174	DTS2671402090 43	ĐOÀN ĐỨC ĐĂNG	108888020251	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2175	DTS2671402090 44	NGUYỄN VĂN HẢI ĐĂNG	105888020351	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2176	DTS2671402090 45	HÀ MẠNH ĐIỆP	107888020252	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2177	DTS2671402090 46	PHẠM PHÚ ĐỨC	104888020352	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2178	DTS2671402090 47	NGÔ LINH GIANG	106888020253	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2179	DTS2671402090 48	DƯƠNG THỊ THU HÀ	103888020353	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2180	DTS2671402090 49	HOÀNG DIỆU HÀ	105888020254	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2181	DTS2671402090 50	TRẦN NGỌC HÀ	102888020354	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2182	DTS2671402090 51	LƯƠNG MẠNH HẢI	103888020256	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2183	DTS2671402090 52	NGUYỄN SONG HẢI	101888020355	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2184	DTS2671402090 53	VŨ TRỌNG HẢI	104888020255	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2185	DTS2671402090 54	LÊ MINH HẰNG	100888020356	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2186	DTS2671402090 55	ĐINH THỊ HẬU	102888020257	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2187	DTS2671402090 56	HỒ THỊ DIỆU HIỀN	108888020358	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2188	DTS2671402090 57	MẠC THẢO HIỀN	101888020258	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2189	DTS2671402090 58	TRẦN THỊ THU HIỀN	109888020357	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2190	DTS2671402090 59	ĐINH THỊ THẢO HIẾU	101888020260	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2191	DTS2671402090 60	NGUYỄN MINH HIẾU	107888020359	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2192	DTS2671402090 61	TRẦN ĐÌNH MINH HIẾU	100888020259	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2193	DTS2671402090 62	NGUYỄN THỊ HÒA	108888020360	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2194	DTS2671402090 63	NGUYỄN THỊ HOÀI	104888235091	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2195	DTS2671402090 64	NGUYỄN MAI HỒNG	107888020361	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2196	DTS2671402090 65	TRẦN MINH HUỆ	100888020261	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2197	DTS2671402090 67	LÊ VĂN HUY	109888020262	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2198	DTS2671402090 68	PHÙNG LÊ HUY	106888020362	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2199	DTS267140209069	TRẦN VĂN HUY	108888020263	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2200	DTS267140209070	ĐOÀN THU HUYỀN	106888481117	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2201	DTS267140209071	ĐỖ THU HUYỀN	107888020264	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2202	DTS267140209072	HÀ DIỆU HUYỀN	105888020363	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2203	DTS267140209074	PHẠM PHÚ MỸ HƯNG	104888020364	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	20.000	215.000	361.125
2204	DTS267140209075	BÙI MAI HƯƠNG	106888020265	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2205	DTS267140209076	TRIỆU THÚY HƯỜNG	103888020365	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2206	DTS267140209077	NGUYỄN ĐÌNH KHANG	105888020266	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2207	DTS267140209078	ĐỖ VĂN KHÁNH	102888020366	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2208	DTS267140209079	NGÔ MINH KHÁNH	104888020267	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2209	DTS267140209081	VINH HÀ HUY KHÁNH	103888020268	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2210	DTS267140209082	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	109888020369	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2211	DTS267140209083	TRẦN PHÚ KHOA	102888020269	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	0	215.000	391.125
2212	DTS267140209084	VÕ ĐỨC ANH KHOA	101888020367	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2213	DTS267140209085	ĐẶNG HOÀNG LÂM	103888020271	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2214	DTS267140209086	ĐINH ĐẠI LÂM	101888020370	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2215	DTS267140209087	CHU HÀ LINH	102888020272	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2216	DTS267140209088	NGÔ HÀ LINH	100888020371	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2217	DTS267140209089	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	101888020273	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2218	DTS267140209090	TỐNG THỊ DIỆU LINH	109888020372	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2219	DTS267140209091	TRẦN THỊ THẢO LINH	100888020274	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2220	DTS267140209092	TRƯƠNG KHÁNH LINH	108888020373	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2221	DTS267140209093	ĐỖ THANH LOAN	109888020275	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2222	DTS267140209094	HOÀNG VĂN LỘC	100888334163	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2223	DTS267140209095	VƯƠNG GIA LUÂN	108888020276	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2224	DTS267140209096	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	101888022314	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2225	DTS267140209097	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	106888020278	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2226	DTS267140209098	NGUYỄN THỊ QUỲNH MAI	105888020376	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2227	DTS267140209099	TRỊNH TUYẾT MAI	107888020277	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2228	DTS267140209100	VŨ THỊ XUÂN MAI	106888020375	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2229	DTS267140209101	ĐẶNG HUY MẠNH	105888020279	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2230	DTS267140209102	LÊ DANH MẠNH	104888020377	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2231	DTS267140209103	DƯƠNG ĐÌNH MINH	106888020280	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2232	DTS267140209104	LÊ VĂN MINH	103888020378	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2233	DTS267140209105	VŨ NHẬT MINH	105888020281	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2234	DTS267140209106	HÁCH TRÀ MY	102888020381	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2235	DTS267140209107	HOÀNG THẢO MY	104888020282	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2236	DTS267140209108	HỨA CHU THỊ CHÀ MY	103888020380	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2237	DTS267140209109	MAI QUÝ HẢI NAM	102888020284	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2238	DTS267140209110	HÀ VŨ NGUYỆT NGA	101888020382	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2239	DTS267140209111	PHẠM NGUYỄN LINH NGA	101888020285	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2240	DTS267140209112	NGUYỄN HOÀNG NGÂN	108888020385	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2241	DTS267140209113	NGUYỄN THỊ HẰNG NGÂN	109888020287	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2242	DTS267140209114	PHẠM THỊ NGÂN	100888020383	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2243	DTS267140209115	TRẦN THỊ KIM NGÂN	107888020289	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2244	DTS267140209116	ĐÀO ĐẶNG MINH NGỌC	106888020387	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2245	DTS267140209117	ĐINH VI BẢO NGỌC	105888020293	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2246	DTS267140209118	ĐỖ BẢO NGỌC	104888020389	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2247	DTS267140209119	ĐỖ HỒNG NGỌC	106888020292	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2248	DTS267140209120	HOÀNG BÍCH NGỌC	105888020390	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2249	DTS267140209121	LÊ THỊ HỒNG NGỌC	107888020291	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2250	DTS267140209122	TRẦN MINH NGỌC	104888020391	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2251	DTS267140209123	TRẦN NHƯ NGỌC	108888020290	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2252	DTS267140209124	LẠI PHƯƠNG NGUYÊN	103888020392	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2253	DTS267140209125	TRẦN HOÀNG NGUYÊN	104888020294	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2254	DTS267140209126	HOÀNG YẾN NHI	102888020393	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2255	DTS267140209127	LÊ THỊ YẾN NHI	102888020296	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2256	DTS267140209128	TRẦN HỒNG NHI	101888020394	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Sổ ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2257	DTS267140209129	TRẦN THỊ YẾN NHI	103888020295	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2258	DTS267140209130	MA ĐẶNG GIA NHƯ	100888020395	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2259	DTS267140209131	NGUYỄN DUY PHONG	101888020297	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2260	DTS267140209132	NGUYỄN TUẤN PHONG	109888020396	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2261	DTS267140209133	BÙI MAI PHƯƠNG	100888020298	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2262	DTS267140209134	NGUYỄN LAN PHƯƠNG	108888020397	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2263	DTS267140209135	PHẠM MINH PHƯƠNG	109888020299	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2264	DTS267140209136	ĐỒNG ANH QUANG	107888020398	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2265	DTS267140209137	KHỔNG ĐỨC MINH QUÂN	104888020300	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2266	DTS267140209138	NÔNG MINH QUÂN	106888020399	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2267	DTS267140209139	NGUYỄN ANH QUÂN	103888020301	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2268	DTS267140209140	ĐỖ Ý QUYÊN	100888020400	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2269	DTS267140209141	MA HOÀNG QUYÊN	102888020302	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2270	DTS267140209142	LÊ NHƯ QUỲNH	109888020401	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2271	DTS267140209143	NGUYỄN VĂN TÂN	100888020304	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2272	DTS267140209144	BẠCH NGỌC THUỲ TIÊN	108888020402	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2273	DTS267140209145	MA TRẦN TIẾN	109888020305	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2274	DTS267140209146	NGUYỄN VĂN TIẾN	105888480900	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2275	DTS267140209147	ĐẶNG NGUYỄN TUẤN	108888020306	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2276	DTS267140209148	CÁM ANH TUẤN	105888020405	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2277	DTS267140209149	VÕ MINH TUẤN	107888020307	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2278	DTS267140209150	NGUYỄN MINH TUỆ	104888020406	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2279	DTS267140209151	HOÀNG SƠN TÙNG	106888020308	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2280	DTS267140209152	MA SƠN TÙNG	103888020407	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2281	DTS267140209153	PHẠM THỌ THÁI	105888020309	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2282	DTS267140209154	DƯƠNG TẤT THÀNH	102888020408	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2283	DTS267140209155	NGUYỄN HOÀNG THÀNH	107888020310	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2284	DTS267140209156	ĐÀM PHƯƠNG THẢO	103888020410	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2285	DTS267140209157	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	106888020311	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2286	DTS267140209158	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	101888020409	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2287	DTS267140209159	NGUYỄN THỊ THU THẢO	104888020313	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2288	DTS267140209160	PHẠM PHƯƠNG THẢO	102888020411	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2289	DTS267140209161	NGÔ XUÂN THẮNG	103888020314	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2290	DTS267140209162	BÙI NGUYỄN GIA THẾ	101888020412	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2291	DTS267140209163	VŨ HẠ THI	102888020315	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2292	DTS267140209164	NGUYỄN MINH THỊNH	100888020413	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2293	DTS267140209165	CAO HOÀI THU	101888020316	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2294	DTS267140209166	NGUYỄN HỮU THUẬN	109888020414	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2295	DTS267140209167	ĐÀO THU THỦY	100888020317	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2296	DTS267140209168	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	108888020415	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2297	DTS267140209169	LƯƠNG THỊ THU TRANG	101888036242	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2298	DTS267140209170	LƯU THỊ HUYỀN TRANG	105888020418	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2299	DTS267140209171	TRANG	109888020318	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2300	DTS267140209172	TRANG	104888020419	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2301	DTS267140209173	ĐOÀN THỊ HUYỀN TRÂN	108888020319	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2302	DTS267140209174	NGUYỄN MAI TRINH	105888020420	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2303	DTS267140209175	NGUYỄN VĂN TRUNG	109888020320	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2304	DTS267140209176	ĐỖ ĐỨC TRƯỜNG	104888020421	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2305	DTS267140209177	HOÀNG MẠNH TRƯỜNG	108888020321	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2306	DTS267140209178	VŨ THỊ MAI UYÊN	103888020422	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2307	DTS267140209179	DƯƠNG ÁNH VI	107888020322	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2308	DTS267140209180	DƯƠNG QUỐC VIỆT	102888020423	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2309	DTS267140209181	HOÀNG QUỐC VIỆT	106888020323	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2310	DTS267140209183	HOÀNG QUANG VINH	105888020324	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2311	DTS267140209184	TRẦN THANH XUÂN	101888020424	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2312	DTS267140209185	HOÀNG HẢI YẾN	104888020325	Sư phạm Toán học	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2313	DTS267140211001	ĐINH VĂN AN	106888020611	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2314	DTS267140211002	LÊ TUẤN ANH	105888020651	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2315	DTS267140211003	LÊ THỊ TRÂM ANH	105888020612	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2316	DTS267140211004	NGUYỄN XUÂN BẮC	103888020653	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2317	DTS267140211005	LÔ THANH BÌNH	104888020613	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2318	DTS267140211006	PHÀNG A CƯƠNG	109888334082	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2319	DTS267140211007	TRIỆU QUỲNH CHI	103888020614	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2320	DTS267140211008	MÔNG CHÍ DŨNG	102888020654	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2321	DTS267140211009	NGUYỄN MẠNH DŨNG	102888020615	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
2322	DTS267140211010	ĐỒNG VĂN DUY	100888020656	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2323	DTS267140211011	HÀ PHÚC DUY	101888020616	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2324	DTS267140211012	NGUYỄN TĂNG DUY	101888020655	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2325	DTS267140211013	NGUYỄN TẠ ÁNH DƯƠNG	100888020617	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2326	DTS267140211014	NGUYỄN TIẾN ĐẠI	109888020657	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
2327	DTS267140211015	LƯU HƯƠNG GIANG	109888020618	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2328	DTS267140211016	HOÀNG THỊ NGỌC HÀ	108888020658	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2329	DTS267140211017	TÔNG THỊ NGỌC HÀ	108888020619	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2330	DTS267140211018	PHẠM ĐỨC HẢI	107888020661	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2331	DTS267140211019	LA ANH HÀO	109888020620	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2332	DTS267140211020	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	106888020662	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2333	DTS267140211021	BÙI MINH HIẾU	108888020621	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2334	DTS267140211022	HOÀNG	105888020663	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2335	DTS267140211023	THÂN THỊ HUỆ	107888020622	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2336	DTS267140211024	HOÀNG GIA HUY	104888020664	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2337	DTS267140211025	HUY	106888020623	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2338	DTS267140211026	HÀ THỊ HUYỀN	103888020665	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2339	DTS267140211027	PHẠM PHƯƠNG HUYỀN	105888020624	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2340	DTS267140211028	DƯƠNG THANH HƯƠNG	101888020667	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2341	DTS267140211029	NGUYỄN HỒNG KHÁNH	104888020625	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2342	DTS267140211030	TRẦN BẢO KHÁNH	109888020669	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2343	DTS267140211031	TÔNG NGỌC LAN	103888020626	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2344	DTS267140211032	BẠCH NGỌC LINH	101888020670	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2345	DTS267140211033	HOÀNG THÙY LINH	102888020627	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2346	DTS267140211034	NGÔ THỊ NGỌC LINH	100888020671	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2347	DTS267140211035	TRẦNG HÀ LINH	101888020628	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2348	DTS267140211036	VŨ NGỌC LĨNH	109888020672	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2349	DTS267140211037	NGUYỄN THÀNH LUÂN	100888020629	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2350	DTS267140211038	HOÀNG THỊ LƯƠNG	108888020673	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2351	DTS267140211039	QUÁCH KHÁNH LY	101888020630	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2352	DTS267140211040	BÙI NGỌC HẢI LÝ	107888020674	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2353	DTS267140211041	ĐINH HÀ MY	100888020631	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2354	DTS267140211042	HOÀNG BẢO NAM	106888020675	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2355	DTS267140211043	NGUYỄN BÍCH NGÂN	109888020632	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2356	DTS267140211044	PHÙNG BÁCH NGUYÊN	105888020676	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	20.000	215.000	1.215.000
2357	DTS267140211045	BÙI PHƯƠNG NHI	108888020633	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2358	DTS267140211046	LUYỆN LAN NHI	104888020677	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2359	DTS267140211047	HOÀNG GIA NHƯ	107888020634	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2360	DTS267140211048	NGUYỄN KIỀU OANH	103888020678	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2361	DTS267140211050	ĐẶNG VIỆT QUANG	102888020679	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2362	DTS267140211051	ĐỖ MINH QUÂN	106888020635	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2363	DTS267140211052	TRẦN TRUNG QUÂN	103888020680	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2364	DTS267140211053	VI XUÂN QUYỀN	105888020636	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2365	DTS267140211054	NGUYỄN HOÀNG TÂN	101888020682	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2366	DTS267140211055	TRẦN NGỌC TÍCH	104888020637	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2367	DTS267140211056	NGUYỄN THÁI TUẤN	100888020683	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2368	DTS267140211057	HÀ HOÀNG KIM THANH	103888020638	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2369	DTS267140211058	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	109888020684	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2370	DTS267140211059	NGUYỄN THỊ VY THẢO	102888020639	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2371	DTS267140211060	TRẦN THỊ THẢO	106888020687	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2372	DTS267140211061	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	104888020640	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Sổ ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2373	DTS2671402110 62	NGÂN TIẾN THĂNG	104888020689	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2374	DTS2671402110 63	NGUYỄN HUY THẮNG	103888020641	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2375	DTS2671402110 64	TRIỆU NÔNG PHÚC THÂN	105888020690	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2376	DTS2671402110 65	NÔNG LÊ ANH THƠ	102888020642	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2377	DTS2671402110 66	LÊ THỊ THÙY	101888499647	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2378	DTS2671402110 67	NGUYỄN THỊ THÙY	101888020643	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2379	DTS2671402110 68	LÒ THỊ THÙY	104888020691	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2380	DTS2671402110 69	NGUYỄN THÙY TRANG	100888020644	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2381	DTS2671402110 70	TRẦN LINH TRANG	103888020692	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2382	DTS2671402110 71	TRƯƠNG TIẾN TRÍ	109888020645	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2383	DTS2671402110 72	ĐƯỜNG NGỌC VIỆT	102888020693	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2384	DTS2671402110 73	NGUYỄN ĐẠI VIỆT	108888020646	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2385	DTS2671402110 74	NGUYỄN THÀNH VINH	106888036995	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2386	DTS2671402110 75	HOÀNG ANH VŨ	107888020647	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2387	DTS2671402110 76	LƯỜNG THỊ VUI	101888020694	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2388	DTS2671402110 77	HOÀNG MAI VY	105888020649	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2389	DTS2671402110 80	NGUYỄN HẢI YẾN	100888020695	Sư phạm Vật lý	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2390	DTS2673104030 01	ĐỖ NGUYỄN HÀ ANH	103888020040	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2391	DTS2673104030 02	LÊ PHƯƠNG ANH	101888020039	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2392	DTS2673104030 03	HOÀNG HỒNG ÁNH	101888020042	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2393	DTS2673104030 04	NGUYỄN THẢO CHI	100888020043	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2394	DTS2673104030 05	VŨ VĂN CHIẾN	105888334074	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
2395	DTS2673104030 06	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỄM	109888020044	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2396	DTS2673104030 08	LÊ ĐOÀN NGỌC DIỆP	108888020045	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2397	DTS2673104030 09	LÊ THỊ HUYỀN DIỆU	107888020046	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2398	DTS2673104030 10	BÀN VĂN DOANH	106888036968	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2399	DTS2673104030 11	LAI PHẦN ĐIỆP	105888020048	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2400	DTS2673104030 15	TRẦN HỒNG HẠNH	104888020049	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2401	DTS2673104030 17	VŨ THỊ HIỀN	105888020050	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2402	DTS2673104030 18	HÀ QUANG HIẾU	104888020051	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2403	DTS2673104030 19	HOÀNG THỊ MAI HOA	103888020052	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2404	DTS2673104030 20	HOÀNG HƯƠNG HỒNG	102888020053	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2405	DTS2673104030 21	NGUYỄN THỊ NGỌC HUÊ	101888020054	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2406	DTS2673104030 22	NGUYỄN QUỐC HUY	100888020055	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2407	DTS2673104030 23	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	109888020056	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2408	DTS2673104030 24	ONG THU HƯƠNG	108888020057	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2409	DTS2673104030 26	HOÀNG THỊ KIỀU	107888020058	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2410	DTS2673104030 28	ĐÀO DUY KHÁNH	106888020059	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2411	DTS2673104030 29	DƯƠNG TÂM LAN	107888020060	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2412	DTS2673104030 30	HỨA THỊ MAI LAN	106888020061	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2413	DTS2673104030 31	TẠ THỊ BÍCH LIÊN	105888020062	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2414	DTS2673104030 32	BÙI HOÀNG LINH	104888020063	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2415	DTS2673104030 33	LINH	102888020065	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2416	DTS2673104030 34	NGUYỄN KHÁNH LY	101888020066	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2417	DTS2673104030 36	HOÀNG MAI	109888020068	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2418	DTS2673104030 37	MÈ THỊ MAI	100888020067	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2419	DTS2673104030 38	LƯU THỊ KIỀU MY	108888020069	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2420	DTS2673104030 39	LÊ NGỌC BẢO NGÂN	100888020070	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2421	DTS2673104030 40	NGÔ HỒNG NGỌC	109888020071	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2422	DTS2673104030 41	PHAN YẾN NGỌC	108888020072	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2423	DTS2673104030 42	TRẦN MINH NGỌC	107888020073	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2424	DTS2673104030 43	CÀM THỊ YẾN NHI	106888020074	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2425	DTS2673104030 44	HOÀNG NGỌC LINH NHI	103888020077	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2426	DTS2673104030 45	VI THỊ QUỲNH NHƯ	102888020078	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2427	DTS2673104030 46	NGUYỄN THỊ OANH	101888020079	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	853.875	0	0	215.000	391.125
2428	DTS2673104030 47	BÙI THỊ LỆ QUYÊN	102888020080	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2429	DTS2673104030 48	HOÀNG VĂN QUYỀN	101888020081	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2430	DTS2673104030 50	DƯƠNG THỊ TÂM	109888020083	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125

STT	Mã số sinh Viên	Họ và tên	Số tài khoản tại Vietinbank	Ngành học	Số tiền sinh viên đã nộp	Các khoản thu khi nhập học					Số tiền còn lại dự kiến hoàn trả cho sinh viên
						Bảo hiểm thân thể	Bảo hiểm y tế	Phí khai báo số tạm trú	Số ngoại trú	Phí truy cập sử dụng tài nguyên thông tin	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2431	DTS267310403051	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	100888020082	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2432	DTS267310403052	TRẦN ĐẠT LINH TÙNG	108888020084	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2433	DTS267310403053	PHẠM HỒNG THANH	107888020085	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2434	DTS267310403054	DƯƠNG CÔNG THÀNH	106888020086	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
2435	DTS267310403055	BÙI THỊ THU THẢO	105888020087	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2436	DTS267310403057	TRẦN THANH THẢO	104888020088	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	853.875	0	20.000	215.000	371.125
2437	DTS267310403058	VŨ MINH THẢO	103888020089	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	853.875	10.000	0	215.000	381.125
2438	DTS267310403062	DƯƠNG THU TRANG	102888020092	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2439	DTS267310403063	HÀ MAI TRANG	103888020091	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	10.000	0	215.000	1.235.000
2440	DTS267310403064	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	101888020093	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2441	DTS267310403065	DƯƠNG NGỌC TRÂM	100888020094	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000
2442	DTS267310403067	MA GIA VĨ	109888020095	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	0	215.000	1.245.000
2443	DTS267310403069	NGUYỄN KIM XUYẾN	107888020097	Tâm lý học giáo dục	2.000.000	540.000	0	0	20.000	215.000	1.225.000